

National Competitive Bidding  
SAMPLE BIDDING DOCUMENTS

Procurement of Works

**Mẫu hồ sơ mời thầu xây lắp**

Dùng cho đấu thầu cạnh tranh trong nước (NCB)

[cuu duong than cong. com](http://cuuduongthancong.com)

World Bank Vietnam Office

Ngân hàng Thế giới - Văn phòng Việt Nam

Hà Nội 6.2005

Sửa đổi 6.2008

# Mục lục

|                                                                                         |            |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>Thông báo mời thầu .....</b>                                                         | <b>2</b>   |
| <b>Phần 1. Chỉ dẫn cho nhà thầu .....</b>                                               | <b>5</b>   |
| A. Giới thiệu.....                                                                      | 5          |
| B. Hồ sơ mời thầu.....                                                                  | 8          |
| C. Chuẩn bị Hồ sơ dự thầu .....                                                         | 8          |
| D. Nộp hồ sơ dự thầu .....                                                              | 11         |
| E. Mở và đánh giá thầu .....                                                            | 12         |
| F. Trao hợp đồng .....                                                                  | 14         |
| G. Dữ liệu đấu thầu .....                                                               | 16         |
| <b>Phần 2. Đơn xin dự thầu, Thông tin năng lực, Th- chấp thuận , Mẫu hợp đồng .....</b> | <b>20</b>  |
| Đơn xin dự thầu.....                                                                    | 21         |
| Thông tin năng lực .....                                                                | 22         |
| Th- chấp thuận.....                                                                     | 25         |
| Mẫu hợp đồng .....                                                                      | 26         |
| <b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng.....</b>                                                  | <b>27</b>  |
| A. Quy định chung.....                                                                  | 27         |
| B. Quản lý thời gian .....                                                              | 33         |
| C. Quản lý chất l- ượng .....                                                           | 35         |
| D. Quản lý chi phí.....                                                                 | 35         |
| E. Kết thúc hợp đồng .....                                                              | 41         |
| F. Dữ liệu hợp đồng .....                                                               | 44         |
| <b>Phần 4. Giới thiệu công trình .....</b>                                              | <b>46</b>  |
| <b>Phần 5. Danh mục bản vẽ.....</b>                                                     | <b>467</b> |
| <b>Phần 6. Bảng kê khối l- ượng.....</b>                                                | <b>48</b>  |
| <b>Phần 7. Mẫu bảo lãnh .....</b>                                                       | <b>49</b>  |
| Phụ lục A Bảo lãnh dự thầu (bảo lãnh ngân hàng).....                                    | 50         |
| Phụ lục B Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (không điều kiện).....                            | 51         |
| Phụ lục C Bảo lãnh ngân hàng về hoàn trả tạm ứng.....                                   | 52         |

cuu duong than cong. com

## Thông báo mời thầu

Ngày: (ngày/tháng/năm)

Thông báo số: (điền số)

1. Chính phủ n-ớc Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt nam nhận đ-ợc một khoản tín dụng của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA (Ngân hàng Thế giới) cho dự án (điền tên dự án). Dự định vốn này dành cho các khoản thanh toán hợp lệ theo hợp đồng thuộc gói thầu đ-ợc quy định trong Dữ liệu Mời thầu (DLMT). Việc đấu thầu dành cho tất cả các nhà thầu hợp lệ đ-ợc xác định trong DLMT.
2. Chủ đầu t- đ-ợc quy định trong DLMT mời các nhà thầu có đủ t- cách hợp lệ nộp hồ sơ dự thầu đ-ợc niêm phong để xây dựng công trình đ-ợc quy định trong DLMT.
3. Hồ sơ mời thầu (HSMT) có thể mua tại địa điểm và thời gian đ-ợc quy định trong DLMT. Nhà thầu phải trả một khoản phí không hoàn lại đ-ợc quy định trong DLMT cho mỗi bộ HSMT. Các nhà thầu quan tâm có thể biết thêm thông tin tại địa chỉ quy định trong DLMT.
4. Hồ sơ dự thầu (HSDT) phải có hiệu lực trong một khoảng thời gian sau khi mở thầu đ-ợc quy định trong DLMT và phải kèm theo bảo lãnh dự thầu (BLDT) có giá trị và hiệu lực đ-ợc quy định trong DLMT. HSDT phải đ-ợc nộp tại địa điểm và thời gian quy định trong DLMT. HSDT sẽ đ-ợc mở công khai vào thời gian quy định trong DLMT với sự có mặt của các nhà thầu có nguyện vọng tham dự.

| Dữ liệu mời thầu |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.               | <u>Số khoản tín dụng và tên Dự án:</u>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                  | <u>Tên gói thầu:</u><br><u>Các hạng mục chính:</u>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                  | <u>Nhà thầu hợp lệ :</u><br><br>Tất cả các nhà thầu từ các quốc gia hợp lệ đ- ọc xác định trong <i>H- ướng dẫn Mua sắm theo Vốn vay IBRD và Tín dụng IDA</i> của Ngân hàng Thế Giới và trong <i>Hiệp định Tín dụng</i> . Các doanh nghiệp nhà n- ớc Việt Nam đ- ọc tham gia đấu thầu nếu đáp ứng đ- ọc các yêu cầu sau (i) độc lập về pháp lý và tài chính; (ii) hoạt động theo luật th- ơng mại và (iii) không phải là cơ quan trực thuộc Bên vay (bên chủ đầu t- và chủ quản dự án) và (iv) không phải là đơn vị quân đội hay an ninh hoặc doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc Phòng và Bộ Công An.<br><br>Các DNNN trực thuộc bên chủ đầu t- đã cổ phần hóa đ- ọc tham gia nếu (i) cổ phần của bên chủ đầu t- d- ối 50% và (ii) các vị trí lãnh đạo chủ chốt của CTCP không phải do bên chủ đầu t- trực tiếp bổ nhiệm. |
| 2.               | <u>Tên chủ đầu t- :</u><br><u>Địa chỉ :</u><br>ĐT :                      Fax :                      Email :                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 3.               | <u>Nơi mua HSMT:</u><br><br><u>Thời gian mua HSMT:</u><br>Từ ngày: .....<br>Sáng: từ ..... đến ...<br>Chiều: từ ..... đến ...<br><u>Địa chỉ liên hệ hỏi thông tin</u><br>Tên: -----Địa chỉ: -----ĐT: -----Fax : -----Email: -----                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|                  | <u>Giá mỗi bộ HSMT:</u> -----                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 4.               | <u>Hiệu lực của HSDT:</u> (điền số ngày) ngày sau khi mở thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|                  | <u>Bảo lãnh dự thầu:</u> Số tiền là: ..... VNĐ và có hiệu lực ..... ngày sau khi mở thầu. Bảo lãnh dự thầu phải là bảo lãnh ngân hàng theo mẫu quy định trong HSMT này                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                  | <u>Địa chỉ nộp HSDT :</u>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

|  |                                                                                                                                          |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <u>Hạn cuối cùng nộp HSDT</u> : .... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....                                                     |
|  | <u>Thời gian mở thầu</u> (ngay sau khi hết hạn nộp HSDT): .... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....                           |
|  | Trong trường hợp có thay đổi thời gian và địa điểm mở thầu, Bên mời thầu sẽ thông báo cho nhà thầu trước 7 ngày bằng Fax và/hoặc điện tử |

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

# Phần 1. Chỉ dẫn cho nhà thầu

## A. Giới thiệu

### 1. Nội dung đấu thầu

- 1.1 Chủ đầu tư- đ- ọc xác định trong Dữ liệu mời thầu, mời thầu thi công công trình đ- ọc mô tả trong Dữ liệu Hợp đồng. Tên và số hiệu gói thầu đ- ọc ghi trong Dữ liệu Hợp đồng.
- 1.2. Ng- ời thắng thầu sẽ phải hoàn thành Công trình vào Ngày Hoàn thành Dự kiến đ- ọc quy định trong Dữ liệu Hợp đồng.

### 2. Nguồn vốn

- 2.1 Chính phủ N- ớc Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam có nguồn vốn dành cho Dự án đ- ọc xác định trong Dữ liệu đấu thầu.

### 3. Tiêu chuẩn dự thầu

- 3.1 Thông báo mời thầu này dành cho tất cả các nhà thầu hợp lệ đ- ọc xác định trong Dữ liệu Đấu thầu. Bất kỳ vật liệu, thiết bị hay dịch vụ nào đ- ọc sử dụng trong việc thực hiện Hợp đồng phải có nguồn gốc từ các quốc gia hợp lệ đ- ọc xác định trong Dữ liệu Đấu thầu.
- 3.2. Nhà thầu phải cam đoan là (xem Phần 2. Mẫu Hồ sơ dự thầu và Thông tin năng lực) nhà thầu (bao gồm tất cả các thành viên của liên danh và các nhà thầu phụ) hiện nay hoặc tr- ớc đây không có liên quan, dù trực tiếp hay gián tiếp, với các công ty t- vấn hay bất kỳ đơn vị nào đã thiết kế, chuẩn bị yêu cầu kỹ thuật và các tài liệu khác liên quan đến gói thầu này hay đã đ- ọc đề xuất là Giám đốc điều hành cho Công trình này. Các Công ty đã đ- ọc Chủ Đầu tư- thuê cung cấp dịch vụ t- vấn cho việc chuẩn bị hay giám sát Công trình, và các chi nhánh của nó đều không đ- ọc phép dự thầu.
- 3.3. Các doanh nghiệp nhà n- ớc tại Việt Nam ngoài ra còn phải đáp ứng thêm các yêu cầu sau:
  - (a) có t- cách pháp nhân hoạt động kinh doanh, không phải là cơ quan nhà n- ớc
  - (b) tự chủ về tài chính
  - (c) tự chủ về quản lý, không phụ thuộc vào Chủ đầu tư-
  - (d) không phải là đơn vị quân đội hay an ninh hoặc doanh nghiệp trực thuộc Bộ Quốc Phòng hoặc Bộ Công An.
  - (e) Các DNNN trực thuộc bên chủ đầu tư- đã cổ phần hóa đ- ọc tham gia nếu (i) cổ phần của bên chủ đầu tư- d- ới 50% và (ii) các vị trí lãnh đạo chủ chốt của CTCP không phải do bên chủ đầu tư- trực tiếp bổ nhiệm.
- 3.4. Các nhà thầu hiện đang bị Ngân hàng Thế giới và/hoặc các cơ quan chính phủ có thẩm quyền tuyên bố là không hợp lệ do dính líu đến các hành động gian lận và tham nhũng (bao gồm cả việc câu kết thông đồng và đệ trình tài liệu giả/sai sự thật), trong khi đấu thầu các hợp đồng do NHTG và/hoặc các nhà tài trợ khác hoặc Chính phủ tài trợ tr- ớc đây, không đủ t- cách hợp lệ để đ- ọc tham dự đấu thầu hợp đồng này.

#### 4. Năng lực Nhà thầu

- 4.1 Nhà thầu phải cung cấp (xem Phần 2, Mẫu Hồ sơ dự thầu và Thông tin năng lực) mô tả sơ bộ về ph- ơng pháp và tiến độ thi công công trình, bao gồm cả các bản vẽ và các sơ đồ khi cần thiết.
- 4.2 Trong tr- ờng hợp chủ đầu t- đã tiến hành sơ tuyển năng lực nhà thầu, thì chỉ xem xét các Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu đã trúng sơ tuyển để xét chọn giao Hợp đồng. Nhà thầu đã qua sơ tuyển phải nộp cùng với Hồ sơ dự thầu của mình mọi thông tin để cập nhật thông tin sơ tuyển ban đầu hoặc để khẳng định rằng các thông tin năng lực sơ tuyển đã cung cấp tr- ớc đây vẫn còn đúng vào ngày nộp hồ sơ dự thầu. Việc cập nhật hay khẳng định này phải đ- ọc nêu trong Phần 2.
- 4.3 Nếu Chủ đầu t- không tiến hành sơ tuyển nhà thầu thì nhà thầu phải gửi kèm các thông tin và tài liệu sau đây, cùng với đơn xin dự thầu và giá thầu (xem Phần 2).
- (a) bản sao các tài liệu gốc xác định sự thành lập hay t- cách pháp nhân, nơi đăng ký và nơi kinh doanh chính, văn bản ủy nhiệm ng- ời ký hồ sơ dự thầu để ràng buộc Ng- ời dự thầu,
  - (b) tổng giá trị tính bằng tiền của các công việc xây dựng thực hiện trong một số năm vừa qua đ- ọc qui định trong Dữ liệu Đấu thầu,
  - (c) kinh nghiệm thi công các công trình có tính chất t- ơng tự trong một số năm vừa qua đ- ọc qui định trong Dữ liệu Đấu thầu và thông tin chi tiết về công trình đang thực hiện hay đã có cam kết hợp đồng, tên và địa chỉ các chủ đầu t- của các công trình đó để bên mời thầu có thể liên hệ để biết thêm thông tin về các hợp đồng đó,
  - (d) dự kiến các thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện Hợp đồng này.
  - (e) năng lực và kinh nghiệm của các cán bộ kỹ thuật và quản lý chủ chốt tại công tr- ờng dự định dành cho Hợp đồng này.
  - (f) các báo cáo về tình hình tài chính của Ng- ời dự thầu trong một số năm vừa qua đ- ọc qui định trong Dữ liệu Đấu thầu.
  - (g) bằng chứng có đủ vốn l- u động cho Hợp đồng này (khả năng vay tín dụng ngân hàng và các nguồn tài chính khác)
  - (h) văn bản cho phép Chủ đầu t- tham khảo ý kiến các ngân hàng của nhà thầu
  - (i) thông tin về các vụ kiện tụng, hiện nay hay trong một số năm vừa qua đ- ọc quy định trong Dữ liệu Đấu thầu mà Ng- ời dự thầu có liên quan, các bên liên quan, giá trị tranh chấp.
  - (j) dự kiến dùng thầu phụ cho một phần của Công trình có giá trị v- ợt quá 10% Giá trị Hợp đồng này.
- 4.4 Hồ sơ dự thầu do một liên danh giữa hai hay nhiều công ty phải tuân theo các yêu cầu sau, trừ khi đ- ọc quy định khác trong Dữ liệu Đấu thầu:
- (a) Hồ sơ dự thầu phải bao gồm tất cả các thông tin đã liệt kê trong Điều 4.3 nêu trên cho mỗi bên trong liên danh,
  - (b) Hồ sơ dự thầu phải đ- ọc ký để ràng buộc tất cả các bên về mặt pháp lý,

- (c) tất cả các bên phải cùng chịu trách nhiệm pháp lý chung và riêng từng bên về việc thực hiện Hợp đồng theo đúng các điều khoản Hợp đồng,
- (d) một trong các bên phải đ-ợc chỉ định để chịu trách nhiệm chính, đ-ợc ủy quyền chịu các trách nhiệm pháp lý, nhận các chỉ thị của Chủ đầu t- và thay mặt cho bất kỳ và tất cả các bên trong liên danh, và
- (e) việc thực thi toàn bộ Hợp đồng, kể cả việc thanh toán, sẽ đ-ợc tiến hành chỉ với bên chịu trách nhiệm chính.

4.5. Để đ-ợc trao Hợp đồng, nhà thầu phải đạt các tiêu chuẩn năng lực tối thiểu sau đây:

- (a) có khối l-ợng thi công bình quân hàng năm trong một số năm quy định trong Dữ liệu Đấu thầu phải bằng hoặc lớn hơn giá trị đ-ợc quy định trong Dữ liệu Đấu thầu.
- (b) có kinh nghiệm là nhà thầu chính trong việc thi công ít nhất một số công trình quy định trong Dữ liệu Đấu thầu có tính chất và quy mô t-ơng đ-ơng với Công trình này trong một số năm vừa qua đ-ợc qui định trong Dữ liệu Đấu thầu (để theo đúng yêu cầu này, công trình nêu ra phải đ-ợc hoàn thành ít nhất 70%),
- (c) có kế hoạch để huy động (sở hữu, thuê v.v...) đúng thời gian các thiết bị cần thiết liệt kê trong Dữ liệu Đấu thầu,
- (d) có một chỉ huy tr-ởng công tr-ờng với số năm kinh nghiệm trong các công trình có tính chất và quy mô t-ơng đ-ơng đ-ợc qui định trong Dữ liệu Đấu thầu, trong đó việc giữ chức vụ chỉ huy tr-ởng không d-ới một số năm đ-ợc qui định trong Dữ liệu Đấu thầu, và
- (e) có tài sản l-u động (gồm tiền mặt và các tài sản có thể nhanh chóng chuyển đổi thành tiền) và/hoặc tín dụng vay ngân hàng, trừ đi các cam kết vốn cho các hợp đồng khác và không kể các khoản tạm ứng trong Hợp đồng này, không ít hơn tổng giá trị đ-ợc qui định trong Dữ liệu Đấu thầu.
- (f) Nhà thầu nào hoặc các bên liên danh có quá trình bị kiện tụng nhiều hoặc bị trọng tài hoặc tòa án xét xử thua nhiều có thể bị loại.

4.6. Năng lực của các bên liên danh sẽ đ-ợc cộng vào nhau để xác định sự đáp ứng của nhà thầu về các tiêu chuẩn năng lực tối thiểu theo Điều 4.5 (a) và (e). Tuy nhiên, để đủ năng lực đối với một liên danh, mỗi bên trong liên danh phải thoả mãn ít nhất 25% các tiêu chuẩn tối thiểu theo Điều 4.5 (a), (b) và (e), trừ khi đ-ợc qui định khác đi trong Dữ liệu Đấu thầu. Bên chịu trách nhiệm chính phải thoả mãn ít nhất 40% các tiêu chuẩn tối thiểu này, trừ khi đ-ợc quy định khác đi trong Dữ liệu Đấu thầu. Hồ sơ dự thầu của liên danh nào không đáp ứng đ-ợc các yêu cầu này sẽ bị loại. Kinh nghiệm và nguồn lực của các Nhà thầu phụ sẽ không đ-ợc tính đến khi xác định sự đáp ứng của nhà thầu về các tiêu chuẩn năng lực, trừ khi đ-ợc qui định khác đi trong Dữ liệu Đấu thầu.

## 5. Mỗi ng-ời dự thầu một Hồ sơ dự thầu

5.1 Mỗi nhà thầu chỉ đ-ợc nộp một hồ sơ dự thầu hoặc với t- cách độc lập hoặc với t- cách là một bên trong liên danh. Nhà thầu nào nộp hay tham gia vào nhiều hồ sơ dự thầu (trừ khi là nhà thầu phụ) thì tất cả các hồ sơ dự thầu có sự tham gia của nhà thầu đó sẽ đ-ợc coi là không hợp lệ.

## 6. Chi phí dự thầu

- 6.1 Nhà thầu phải chịu tất cả các chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp Hồ sơ dự thầu của mình và trong bất kỳ trường hợp nào Chủ đầu tư cũng sẽ không có trách nhiệm hay chịu trách nhiệm pháp lý về các chi phí đó.

## **7. Khảo sát hiện trường**

- 7.1 Nhà thầu nên đi thăm và xem xét Công trường và các khu vực xung quanh để có tất cả các thông tin cần thiết cho việc chuẩn bị Hồ sơ dự thầu và ký kết hợp đồng thi công Công trình. Nhà thầu phải tự chịu chi phí cho việc thăm Công trường cùng các trách nhiệm và rủi ro liên quan.

## **B. Hồ sơ mời thầu**

### **8. Nội dung Hồ sơ mời thầu**

- 8.1 Một bộ hồ sơ mời thầu bao gồm các tài liệu liệt kê trong phần DLĐT và các tài liệu bổ sung được phát hành theo Điều 10:
- 8.2. Số bản các phần được cấp cho nhà thầu và số bản nhà thầu phải hoàn thành và nộp theo Hồ sơ dự thầu được quy định trong Dữ liệu Đấu thầu.

### **9. Giải thích Hồ sơ mời thầu**

- 9.1. Nhà thầu có yêu cầu giải thích Hồ sơ mời thầu có thể thông báo cho Chủ đầu tư bằng văn bản hay bằng điện tín ("điện tín" bao gồm hình thức telex, fax hoặc điện tử-email) đến địa chỉ của Chủ đầu tư ghi trong Thông báo Mời thầu. Chủ đầu tư sẽ trả lời mọi đề nghị giải thích Hồ sơ mời thầu mà Chủ đầu tư nhận được trước ngày hết hạn nộp Hồ sơ dự thầu 14 ngày. Các bản sao trả lời của Chủ đầu tư sẽ được gửi đến tất cả những người đã mua Hồ sơ mời thầu, bao gồm cả câu hỏi nếu không nêu tên nhà thầu đã hỏi.

### **10. Việc sửa đổi Hồ sơ mời thầu**

- 10.1 Vào bất kỳ thời điểm nào trước khi hết hạn nộp hồ sơ dự thầu, Chủ đầu tư có thể bổ sung Hồ sơ mời thầu bằng cách phát hành tài liệu bổ sung.
- 10.2 Các tài liệu bổ sung này là một phần của Hồ sơ mời thầu và phải được thông báo bằng văn bản hay điện tín đến tất cả những nhà thầu đã mua Hồ sơ mời thầu. Những nhà thầu đó phải thông báo với Chủ đầu tư bằng văn bản hay điện tín là đã nhận được các tài liệu bổ sung đó.
- 10.3 Để nhà thầu có đủ thời gian cần thiết để xem xét các tài liệu bổ sung trong việc chuẩn bị Hồ sơ dự thầu của mình, Chủ đầu tư có thể phải gia hạn thời hạn nộp hồ sơ dự thầu theo Điều 20.2 d-ới đây.

## **C. Chuẩn bị Hồ sơ dự thầu**

### **11. Ngôn ngữ Hồ sơ dự thầu**

11.1. Hồ sơ dự thầu và tất cả các tài liệu liên quan phải được viết bằng tiếng Việt.

## **12. Tài liệu trong Hồ sơ dự thầu**

12.1 Hồ sơ dự thầu do nhà thầu nộp phải bao gồm các tài liệu sau:

- (a) Đơn xin dự thầu (theo mẫu qui định trong Phần 2)
- (b) Bảo lãnh dự thầu
- (c) Bảng kê Khối lượng có ghi giá
- (d) Thông tin Năng lực,
- (e) Các phương án thay thế khi được phép

và mọi tài liệu khác mà nhà thầu được yêu cầu phải nộp, như được qui định trong Dữ liệu Đấu thầu.

## **13. Giá dự thầu**

13.1 Hợp đồng phải bao gồm toàn bộ Công trình được mô tả trong Điều 1.1, dựa vào Bảng kê khối lượng có ghi giá do nhà thầu nộp.

13.2 Nhà thầu phải điền đơn giá và tổng giá cho tất cả các hạng mục của Công trình được nêu trong Bảng kê khối lượng. Các hạng mục mà nhà thầu không ghi đơn giá hay giá sẽ không được Chủ đầu tư thanh toán khi thực hiện và sẽ được xem như đã bao gồm trong các đơn giá và giá khác trong Bảng kê Khối lượng. Đơn giá trong bảng khối lượng được hiểu là đã bao gồm các công việc phụ trợ khác.

13.3 Tất cả các loại thuế và phí mà Nhà thầu phải trả theo Hợp đồng vào thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thầu, phải được bao gồm trong đơn giá, giá và tổng Giá chào thầu do nhà thầu nộp.

13.4 Đơn giá và giá do nhà thầu chào là giá cố định và sẽ không được điều chỉnh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, trừ khi được quy định khác đi ở phần Dữ liệu đấu thầu.

## **14. Tiền tệ của Hồ sơ dự thầu và việc thanh toán**

14.1. Đơn giá và giá phải được nhà thầu chào bằng Đồng Việt Nam. Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng Đồng Việt Nam.

## **15. Hiệu lực của Hồ sơ dự thầu**

15.1. Hồ sơ dự thầu phải có hiệu lực trong một khoảng thời gian được qui định trong Dữ liệu Đấu thầu.

15.2. Trong trường hợp đặc biệt, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gia hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu thêm một khoảng thời gian cụ thể. Yêu cầu của chủ đầu tư và trả lời của nhà thầu phải bằng văn bản hoặc điện tín. Nhà thầu có thể từ chối yêu cầu gia hạn mà không bị tịch thu Bảo lãnh dự thầu. Nhà thầu đồng ý gia hạn sẽ không bị yêu cầu hay được phép sửa đổi Hồ sơ dự thầu của mình khác đi, ngược sẽ được yêu cầu kéo dài thời hạn hiệu lực của Bảo lãnh dự thầu cho tương ứng với thời gian gia hạn hiệu lực Hồ sơ dự thầu, và tuân theo Điều 16 trên mọi phương diện.

15.3. Nếu đơn giá trong hợp đồng là cố định (không có điều khoản điều chỉnh đơn giá) và nếu thời gian hiệu lực của Hồ sơ dự thầu được gia hạn trên 56 ngày thì giá dự thầu của nhà thầu được trao hợp đồng sẽ được điều chỉnh theo quy định trong yêu cầu gia hạn hiệu lực

Hồ sơ dự thầu. Việc đánh giá Hồ sơ dự thầu sẽ chỉ dựa vào giá dự thầu chứ không xét đến việc sửa đổi này.

## **16. Bảo đảm dự thầu**

- 16.1. Nhà thầu phải nộp kèm theo Hồ sơ dự thầu một Bảo đảm dự thầu có tổng giá trị và bằng đồng tiền đ- ọc quy định trong Dữ liệu Đấu thầu.
- 16.2. Bảo đảm dự thầu là bảo lãnh ngân hàng của một ngân hàng do nhà thầu xác định và đ- ọc Chủ đầu t- chấp thuận. Hình thức của Bảo đảm dự thầu phải tuân theo Mẫu Bảo đảm dự thầu kèm trong Phần 7 hoặc mẫu khác đ- ọc Chủ đầu t- chấp thuận. Bảo đảm dự thầu phải có giá trị từ ngày mở thầu cho đến hết 30 ngày sau ngày hồ sơ dự thầu hết hiệu lực.
- 16.3. Bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào không gửi kèm Bảo đảm dự thầu theo nội dung đ- ọc quy định sẽ bị Chủ đầu t- loại.
- 16.4. Bảo đảm dự thầu của những nhà thầu không trúng thầu sẽ đ- ọc nhanh chóng trả lại cho họ sau khi nhà thầu trúng thầu nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
- 16.5. Bảo đảm dự thầu của nhà thầu trúng thầu sẽ đ- ọc trả lại sau khi nhà thầu này ký Hợp đồng và cung cấp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
- 16.6. Bảo đảm dự thầu có thể bị tịch thu
  - (a) nếu nhà thầu rút lại Hồ sơ dự thầu sau khi đóng thầu trong thời gian hiệu lực của Hồ sơ dự thầu.
  - (b) Nếu nhà thầu trúng thầu trong thời gian quy định:
    - (i) không ký Hợp đồng, hoặc
    - (ii) không nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
- 16.7. Bảo đảm dự thầu của liên danh phải đứng tên liên danh hoặc tất cả các thành viên trong liên danh hoặc đại diện được ủy quyền của liên danh.

## **17. Các đề xuất thay thế của nhà thầu**

- 17.1. Nhà thầu phải nộp hồ sơ dự thầu phù hợp với các yêu cầu của hồ sơ mời thầu, kể cả thiết kế kỹ thuật cơ bản đã đ- ọc nêu trong bản vẽ và yêu cầu kỹ thuật. Các ph- ơng án thay thế sẽ không đ- ọc xem xét, trừ khi đ- ọc cho phép trong Dữ liệu Đấu thầu. Nếu đ- ọc phép, phải tuân thủ Điều 17.2.
- 17.2. Nếu đ- ọc phép trong Dữ liệu Đấu thầu, nhà thầu muốn đề xuất các ph- ơng án thay thế về kỹ thuật theo các yêu cầu của hồ sơ mời thầu vẫn phải đệ trình một hồ sơ dự thầu phù hợp với các yêu cầu của hồ sơ mời thầu, kể cả thiết kế kỹ thuật cơ bản đã đ- ọc nêu trong bản vẽ và yêu cầu kỹ thuật. Ngoài việc nộp Hồ sơ dự thầu cơ bản, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Chủ đầu t- đánh giá đầy đủ ph- ơng án thay thế, kể cả các tính toán thiết kế, yêu cầu kỹ thuật, phân tích giá cả, các biện pháp thi công dự kiến và các chi tiết liên quan khác. Chủ đầu t- chỉ xem xét các ph- ơng án thay thế về kỹ thuật, nếu có, của nhà thầu có ph- ơng án chính đ- ọc đánh giá là đáp ứng về cơ bản mọi yêu cầu của HSMT và có giá đánh giá thấp nhất.

## **18. Bộ Hồ sơ dự thầu và cách ký**

- 18.1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc của Hồ sơ dự thầu nh- đã mô tả trong Điều 12 của phần Chỉ dẫn cho nhà thầu và ghi rõ là "Bản Gốc". Ngoài ra, nhà thầu phải nộp các bản sao Hồ sơ dự thầu theo số l- ợng đ- ọc qui định trong Dữ liệu Đấu thầu và ghi rõ là "Bản Sao". Trong tr- ờng hợp có sự khác biệt giữa các bản thì bản gốc sẽ đ- ọc coi là chính thức.
- 18.2. Bản gốc và các bản sao của Hồ sơ dự thầu phải đ- ọc đánh máy hay viết bằng mực không tẩy đ- ọc và phải đ- ọc ng- ời đ- ọc uỷ quyền ký thay mặt nhà thầu. Tất cả các chỗ có sửa đổi trong hồ sơ dự thầu phải đ- ọc ng- ời ký Hồ sơ dự thầu ký tắt bên cạnh.
- 18.3. Hồ sơ dự thầu không đ- ọc có các thay đổi hay thêm vào trừ khi các thay đổi hay thêm vào này phù hợp với các chỉ dẫn của Chủ đầu t- hay khi cần thiết để chỉnh sửa lỗi số học của nhà thầu, và trong tr- ờng hợp đó các chỉnh sửa nh- vậy phải đ- ọc ng- ời ký Hồ sơ dự thầu ký tắt.

## **D. Nộp hồ sơ dự thầu**

### **19. Cách niêm phong và đề phong bì đựng Hồ sơ dự thầu**

- 19.1. Nhà thầu đ- ọc phép nộp Hồ sơ dự thầu trực tiếp hoặc qua đ- ờng b- u điện. Nhà thầu phải cho bản gốc vào một phong bì trong, niêm phong lại và đề "Bản gốc". T- ơng tự nh- vậy, nhà thầu phải cho các bản sao vào một phong bì trong khác, niêm phong lại và đề "Bản sao". Sau đó hai phong bì trong này đ- ọc cho chung vào một phong bì ngoài và niêm phong.
- 19.2. Phong bì bên trong và bên ngoài phải:
- (a) ghi địa chỉ ng- ời nhận là Chủ đầu t- theo địa chỉ ghi trong Dữ liệu Đấu thầu,
  - (b) mang tên và số hiệu Hợp đồng đ- ọc xác định trong Dữ liệu Hợp đồng, và
  - (c) viết dòng cảnh báo không đ- ọc mở tr- ớc ngày và giờ qui định mở Hồ sơ dự thầu (giờ mở thầu) đ- ọc quy định trong Dữ liệu Đấu thầu.
- 19.3. Ngoài các thông tin yêu cầu trong Điều 19.2, các phong bì bên trong phải ghi tên và địa chỉ của nhà thầu để có thể hoàn trả lại Hồ sơ dự thầu nguyên vẹn không mở ra trong tr- ờng hợp "nộp chậm" theo Điều 21.
- 19.4. Nếu phong bì bên ngoài không đ- ọc niêm phong và đề nh- trên, Chủ đầu t- sẽ không chịu trách nhiệm về việc thất lạc hay Hồ sơ dự thầu bị mở sớm.

### **20. Thời hạn nộp Hồ sơ dự thầu**

- 20.1. Hồ sơ dự thầu phải đ- ọc gửi đến Chủ đầu t- tại địa chỉ qui định ở Dữ liệu đấu thầu không chậm hơn ngày giờ đ- ọc quy định trong Dữ liệu Đấu thầu.
- 20.2. Chủ đầu t- có thể gia hạn nộp hồ sơ dự thầu bằng cách ban hành sửa đổi theo Điều 10. Trong tr- ờng hợp đó tất cả các quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu t- và nhà thầu tr- ớc đây căn cứ vào hạn nộp ban đầu sẽ phải căn cứ vào hạn nộp mới.

### **21. Hồ sơ dự thầu nộp muộn**

- 21.1. Mọi hồ sơ dự thầu mà Chủ đầu t- nhận đ- ọc sau khi hết hạn nộp hồ sơ dự thầu quy định trong Điều 20 sẽ đ- ọc giữ nguyên không mở ra và trả lại cho nhà thầu.

## **22. Rút lại, thay thế và bổ sung Hồ sơ dự thầu**

- 22.1. Nhà thầu có thể rút lại, thay thế hoặc bổ sung Hồ sơ dự thầu của mình bằng cách thông báo bằng văn bản trước ngày giờ hết hạn nộp qui định trong Điều 20.
- 22.2. Văn bản xin rút lại, thay thế hoặc bổ sung Hồ sơ dự thầu của nhà thầu phải được chuẩn bị, niêm phong, đề ngoài phong bì và gửi theo quy định tại Điều 18 và 19. Các phong bì bên trong và bên ngoài cần ghi thêm chữ "Rút lại", hoặc "Thay thế", hoặc "Bổ sung".
- 22.3. Hồ sơ dự thầu đã nộp không được phép thay thế hoặc sửa đổi sau hạn nộp Hồ sơ dự thầu.
- 22.4. Việc rút lại Hồ sơ dự thầu trong thời gian từ lúc hết hạn nộp Hồ sơ dự thầu đến ngày hết hiệu lực Hồ sơ dự thầu được qui định trong Dữ liệu Đấu thầu hay được gia hạn theo Điều 15.2 có thể dẫn đến việc tịch thu Bảo lãnh dự thầu theo Điều 16.
- 22.5. Nhà thầu chỉ có thể đề nghị giảm giá hoặc thay đổi các giá cả trong Hồ sơ dự thầu của mình bằng cách nộp văn bản bổ sung Hồ sơ dự thầu theo điều khoản này, hoặc gửi kèm trong Hồ sơ dự thầu nộp lúc ban đầu.

## **E. Mở và đánh giá thầu**

### **23. Mở Hồ sơ dự thầu**

- 23.1. Chủ đầu tư sẽ mở các Hồ sơ dự thầu, kể cả các bổ sung Hồ sơ dự thầu thực hiện theo Điều 22 trước sự chứng kiến của các nhà thầu muốn tham dự vào thời gian và địa điểm được quy định trong Dữ liệu Đấu thầu.
- 23.2. Các phong bì có ghi chữ "Rút lại" sẽ được mở và đọc trước tiên. Chủ đầu tư sẽ không mở các Hồ sơ dự thầu của các nhà thầu đã nộp đơn xin rút lại theo Điều 22.
- 23.3. Tên của nhà thầu, giá dự thầu, tổng giá trị của mỗi Hồ sơ dự thầu và của bất kỳ hồ sơ dự thầu ph-ơng án thay thế nào (nếu yêu cầu hoặc cho phép có ph-ơng án thay thế), mọi khoản giảm giá, việc bổ sung, thay thế và rút lại Hồ sơ dự thầu, việc có hoặc thiếu Bảo lãnh dự thầu và các chi tiết khác khi Chủ đầu tư xét thấy cần thiết sẽ được Chủ đầu tư thông báo lúc mở thầu. Trừ các Hồ sơ dự thầu nộp muộn phải xử lý theo điều 21, chủ đầu tư sẽ không loại bất cứ hồ sơ dự thầu nào tại buổi mở thầu. Chủ đầu tư sẽ không đưa vào xem xét đánh giá bất cứ hồ sơ dự thầu nào, kể cả hồ sơ dự thầu thay thế, bổ sung, th- giảm giá, nếu những tài liệu này không được mở ra, đọc rõ và ghi biên bản tại buổi mở thầu.
- 23.4. Chủ đầu tư sẽ lập biên bản mở thầu, bao gồm các thông tin đã được công khai thông báo tại buổi mở thầu theo Điều 23.3.

### **24. Nguyên tắc giữ bí mật**

- 24.1. Các thông tin liên quan đến việc kiểm tra, làm rõ, đánh giá, so sánh các Hồ sơ dự thầu và các đề nghị trao hợp đồng sẽ không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất cứ người nào khác không chính thức liên quan đến quá trình xét thầu nêu trên cho đến khi có công bố chính thức trao hợp đồng cho nhà thầu thắng thầu. Nhà thầu nào có hành động để gây ảnh hưởng đến việc xét thầu của Chủ đầu tư hay các quyết định trao hợp đồng có thể dẫn đến việc Hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó bị loại. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian từ sau khi mở thầu đến lúc có công bố trúng thầu, nhà thầu có quyền liên hệ với Chủ đầu tư bằng văn bản về mọi vấn đề liên quan tới quá trình đấu thầu.

## 25. Làm rõ Hồ sơ dự thầu

- 25.1. Để giúp việc kiểm tra, đánh giá và so sánh các Hồ sơ dự thầu, Chủ đầu tư có thể yêu cầu bất kỳ nhà thầu nào giải thích rõ Hồ sơ dự thầu của mình, kể cả việc phân tích đơn giá. Các yêu cầu và trả lời để giải thích phải bằng văn bản hay bằng điện tín nh- ng không đ- ọc phép thay đổi giá cả hoặc nội dung Hồ sơ dự thầu.

## 26. Kiểm tra sơ bộ hồ sơ dự thầu và xác định sự đáp ứng

- 26.1. Tr- ớc khi đánh giá chi tiết các Hồ sơ dự thầu, Chủ đầu tư sẽ xác định xem mỗi Hồ sơ dự thầu:

- (a) có thoả mãn các tiêu chuẩn tư- cách quy định trong Điều 3 hay không;
- (b) đã đ- ọc ký đúng quy định ch- a;
- (c) có kèm theo bảo đảm dự thầu không; và
- (d) có đáp ứng về cơ bản các yêu cầu trong Hồ sơ mời thầu hay không.

- 26.2. Một Hồ sơ dự thầu đ- ọc coi là đáp ứng về cơ bản khi tuân thủ tất cả các điều khoản, điều kiện và yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu mà không có sự sai lệch hay điều kiện hạn chế cơ bản nào. Sự sai lệch hay điều kiện hạn chế cơ bản là:

- (a) ảnh h- ưởng đáng kể, theo bất kỳ cách nào, đến quy mô, chất l- ượng hay tính năng sử dụng của công trình;
  - (b) hạn chế đáng kể d- ối bất kỳ hình thức nào các quyền của Chủ đầu tư hay nghĩa vụ của nhà thầu trong Hợp đồng; hoặc
  - (c) nếu chỉnh sửa lại sẽ ảnh h- ưởng không công bằng đến vị trí cạnh tranh của các nhà thầu khác có Hồ sơ dự thầu đáp ứng về cơ bản.
- 26.3. Nếu một Hồ sơ dự thầu đ- ọc xác định là không đáp ứng về cơ bản thì sẽ bị Chủ đầu tư loại và nhà thầu không đ- ọc phép tạo sự đáp ứng bằng việc chỉnh sửa hay loại bỏ các chỗ sai lệch hay điều kiện hạn chế không phù hợp.

## 27. Sửa chữa các lỗi

- 27.1. Các Hồ sơ dự thầu đ- ọc xác định là đáp ứng về cơ bản sẽ đ- ọc Chủ đầu tư kiểm tra các lỗi số học. Các lỗi sẽ đ- ọc Chủ đầu tư chỉnh sửa nh- sau:

- (a) khi có sự khác nhau giữa tổng giá trị viết bằng chữ và bằng số, tổng giá trị viết bằng chữ sẽ đ- ọc coi là đúng; và
- (b) khi có sự khác nhau giữa đơn giá và tổng giá hạng mục do việc nhân khối l- ượng và đơn giá, thì đơn giá đã ghi sẽ đ- ọc coi là đúng, trừ khi theo quan điểm của Chủ đầu tư là rõ ràng có sự đặt nhầm dấu thập phân trong đơn giá. Trong tr- ờng hợp đó, tổng giá hạng mục đã ghi sẽ đ- ọc coi là đúng và đơn giá sẽ đ- ọc sửa lại.

- 27.2. Tổng giá chào thầu ghi trong Hồ sơ dự thầu sẽ đ- ọc Chủ đầu tư điều chỉnh theo đúng các quy định chỉnh sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận ký hợp đồng với tổng giá trị đã đ- ọc chỉnh sửa, Chủ đầu tư sẽ loại Hồ sơ dự thầu và có thể tịch thu Bảo đảm dự thầu theo Điều 16.6 (b).

## **28. Đánh giá và so sánh Hồ sơ dự thầu**

- 28.1. Chủ đầu t- sẽ chỉ đánh giá và so sánh các Hồ sơ dự thầu đã xác định là đáp ứng về cơ bản theo Điều 26.
- 28.2. Khi đánh giá các Hồ sơ dự thầu, Chủ đầu t- sẽ xác định “Giá đánh giá” của mỗi Hồ sơ dự thầu bằng việc điều chỉnh giá dự thầu nh- sau:
- (a) sửa lỗi số học theo Điều 27,
  - (b) loại ra các khoản dự phòng trong Bảng kê Khối l- ợng (trừ khối l- ợng dự phòng bằng ngày công thợ, số ca máy, khối l- ợng vật liệu, v.v. do Chủ đầu t- nêu trong Bảng kê khối l- ợng để nhà thầu chào đơn giá).
  - (c) thực hiện việc điều chỉnh, bổ xung căn cứ vào các sai lệch, thiếu sót hay ph- ơng án thay thế có thể chấp nhận đ- ợc theo Điều 17 để đ- a các Hồ sơ dự thầu về cùng một cơ sở nh- nhau, và
  - (d) thực hiện việc điều chỉnh thích hợp để phản ánh các khoản giảm giá hay các bổ xung về giá khác theo Điều 22.5.
- 28.3. Chủ đầu t- giữ quyền chấp nhận hay từ chối bất kỳ thay đổi hay ph- ơng án thay thế nào. Các thay đổi, ph- ơng án thay thế và các yếu tố khác v- ợt quá yêu cầu của Hồ sơ mời thầu hoặc dẫn đến các lợi ích chủ đầu t- không yêu cầu sẽ không đ- ợc xem xét khi đánh giá Hồ sơ dự thầu.
- 28.4. Việc xác định giá đánh giá sẽ không tính đến ảnh h- ưởng của điều khoản điều chỉnh giá trị hợp đồng, nếu có trong điều kiện hợp đồng.

## **F. Trao hợp đồng**

### **29. Tiêu chuẩn trúng thầu**

- 29.1. Trừ tr- ờng hợp qui định ở Điều 30, Chủ đầu t- sẽ trao Hợp đồng cho nhà thầu có Hồ sơ dự thầu đ- ợc xác định là đáp ứng về cơ bản Hồ sơ mời thầu và có “Giá đánh giá” thấp nhất với điều kiện là nhà thầu đó đã đ- ợc xác định là (a) đủ t- cách theo qui định của Điều 3, và (b) đủ năng lực theo quy định của Điều 4.

### **30. Quyền của chủ đầu t- chấp nhận bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào và bác bỏ bất kỳ hoặc tất cả các Hồ sơ dự thầu**

- 30.1. Mặc dù có Điều 29, Chủ đầu t- có quyền chấp nhận hoặc bác bỏ bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào và huỷ bỏ cuộc đấu thầu và bác bỏ tất cả các Hồ sơ dự thầu vào bất kỳ thời gian nào tr- ớc khi trao Hợp đồng, mà không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với các nhà thầu bị ảnh h- ưởng hay có bất kỳ nghĩa vụ nào phải thông báo cho các thầu bị ảnh h- ưởng về lý do hành động của Chủ đầu t-<sup>1</sup>.

### **31. Thông báo trúng thầu và Ký kết Hợp đồng**

- 31.1. Nhà thầu thắng thầu sẽ đ- ợc Chủ đầu t- thông báo trao hợp đồng tr- ớc khi Hồ sơ dự thầu hết hiệu lực bằng điện tín và ngay sau đó đ- ợc xác nhận bằng th- bảo đảm. Th- này (kể

<sup>1</sup> Chủ đầu t- sẽ không loại bỏ các hồ sơ dự thầu hay huỷ bỏ cuộc đấu thầu, trừ khi có đủ căn cứ theo quy định trong H- ớng dẫn mua sắm bằng vốn vay IBRD và tín dụng IDA

từ đây và trong điều kiện Hợp đồng đ- ọc gọi là "Th- Chấp thuận" sẽ ghi rõ tổng số tiền mà Chủ đầu t- sẽ thanh toán cho Nhà thầu về việc thực hiện, hoàn thành và bảo d- ỡng Công trình của Nhà thầu nh- qui định trong Hợp đồng (kể từ đây và trong Hợp đồng đ- ọc gọi là "Giá trị Hợp đồng").

- 31.2. Thông báo trao hợp đồng sẽ là một phần của Hợp đồng sau khi nhà thầu cung cấp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo Điều 32 và ký Hợp đồng theo Điều 31.3.
- 31.3. Hợp đồng sẽ bao gồm tất cả các thoả thuận giữa Chủ đầu t- và nhà thầu. Chủ đầu t- sẽ ký hợp đồng và gửi cho nhà thầu trong vòng 14 ngày sau khi ra thông báo trao hợp đồng và gửi Th- Chấp thuận. Trong vòng 14 ngày kể từ ngày nhận, nhà thầu phải ký Hợp đồng và gửi lại cho Chủ đầu t-.
- 31.4. Sau khi nhà thầu ký hợp đồng và cung cấp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng, Chủ đầu t- sẽ nhanh chóng thông báo tên nhà thầu thắng thầu cho các nhà thầu khác.
- 31.5. Chủ đầu t- sẽ công bố trên một tờ báo các thông tin sau trong vòng một số ngày nh- quy định trong DLMT: (i) số và tên gói thầu (ii) tên các nhà thầu đã nộp HSDT (iii) giá thầu công bố tại buổi mở thầu (iv) giá đánh giá các HSDT (v) tên và lý do các nhà thầu bị loại (vi) tên và giá của nhà thầu trúng thầu và nội dung chính của hợp đồng
- 31.6. Sau khi có công bố trúng thầu, các nhà thầu không trúng thầu có thể yêu cầu chủ đầu t- giải thích lý do vì sao họ không trúng thầu. Chủ đầu t- sẽ nhanh chóng trả lời các yêu cầu giải thích. Việc hỏi và trả lời phải bằng văn bản.

## **32. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng**

- 32.1. Trong vòng 14 ngày kể từ sau khi nhận Th- Chấp thuận, nhà thầu phải chuyển đến Chủ đầu t- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo mẫu Bảo lãnh Ngân hàng (xem Phần 7) với tổng giá trị đ- ọc quy định trong Dữ liệu Hợp đồng và phù hợp với các Điều kiện Hợp đồng.
- 32.2. Nhà thầu phải cung cấp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng d- ới hình thức Bảo lãnh Ngân hàng, đ- ọc phát hành bởi một ngân hàng tại Việt Nam hay do một ngân hàng n- ớc ngoài thông qua một ngân hàng đại lý tại Việt Nam, tùy theo lựa chọn của nhà thầu.
- 32.3. Việc nhà thầu không tuân thủ Điều 32.1 là cơ sở đầy đủ để huỷ bỏ việc trao hợp đồng và tịch thu Bảo lãnh dự thầu.

## **33. Tam ứng và Bảo lãnh tạm ứng**

- 33.1. Chủ đầu t- sẽ cấp một Khoản tạm ứng trong Giá trị Hợp đồng quy định trong Điều kiện Hợp đồng nh- ng không quá giá trị tối đa, đ- ọc nêu trong Dữ liệu Đấu thầu sau khi Nhà thầu cung cấp bảo lãnh ngân hàng cho khoản tạm ứng này.

## **34. Trọng tài**

- 34.1. Chủ đầu t- dự kiến cơ quan có tên trong Dữ liệu Đấu thầu sẽ đ- ọc chỉ định làm trọng tài cho Hợp đồng, với các khoản chi phí và hình thức thanh toán đ- ọc quy định trong Dữ liệu Đấu thầu. Nếu nhà thầu không đồng ý với đề xuất này, nhà thầu phải trình bày điều đó trong Hồ sơ dự thầu. Nếu trong Th- Chấp thuận, Chủ đầu t- không đồng ý về việc chỉ định trọng tài của Nhà thầu, thì Cơ quan đ- ọc chọn lựa trong Dữ liệu Hợp đồng đồng sẽ chỉ định Trọng tài theo yêu cầu của các bên.

## **35. Gian lận và Tham nhũng**

35.1 Chính sách của Ngân hàng Thế giới yêu cầu Bên vay (bao gồm cả những ng-ời thụ h-ởng vốn vay từ Ngân hàng), cũng nh- ng-ời tham gia đấu thầu/ng-ời cung ứng/nhà thầu xây lắp trong khuôn khổ các hợp đồng do Ngân hàng tài trợ phải tôn trọng những tiêu chuẩn đạo đức cao nhất trong quá trình mua sắm và thực hiện các hợp đồng đó. Theo chính sách này:

35.2 Ngân hàng định nghĩa những thuật ngữ d-ới đây cho mục đích của điều khoản này:

- (i) “Hành động tham nhũng” là chào mời, cho, nhận hoặc xin, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất cứ một thứ gì có giá trị làm ảnh h-ởng tới hành động của ng-ời thi hành công vụ<sup>2</sup> trong quá trình mua sắm hoặc trong việc thực hiện hợp đồng;
- (ii) “Hành động gian lận” là trình bày sai sự thật hoặc bỏ sót để gây ảnh h-ởng đến quá trình mua sắm hoặc thực hiện hợp đồng;
- (iii) “Hành động câu kết, thông đồng” là một m-u đồ hoặc sắp xếp giữa hai hoặc nhiều nhà thầu, đ-ợc hoặc không đ-ợc Bên vay biết, để tạo nên giá thầu giả tạo ở mức không có tính cạnh tranh;
- (iv) “Hành động ép buộc” là làm hại hoặc đe dọa làm hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến ng-ời và tài sản để tác động đến quá trình mua sắm đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;

35.3 Ngân hàng sẽ bác bỏ đề nghị trao hợp đồng nếu Ngân hàng xác định đ-ợc rằng ng-ời dự thầu đ-ợc kiến nghị để trao hợp đồng có hành động, trực tiếp hoặc thông qua một ng-ời thay mặt, tham nhũng, gian lận, thông đồng, hoặc ép buộc trong khi cạnh tranh giành hợp đồng đó;

35.4 Ngân hàng sẽ huỷ bỏ phần vốn vay đã phân cho một hợp đồng hàng hoá hoặc công trình nếu bất kỳ khi nào xác định đ-ợc rằng đại diện của Bên vay hoặc ng-ời h-ởng lợi từ vốn vay có hành động tham nhũng gian lận, thông đồng, hoặc ép buộc trong quá trình mua sắm hoặc thực hiện hợp đồng mà Bên vay không có hành động kịp thời và phù hợp để chấn chỉnh tình hình thoả mãn đ-ợc yêu cầu của Ngân hàng;

35.5 Ngân hàng quy định hình thức phạt, bao gồm cả tuyên bố một công ty hoặc cá nhân, là không đủ t-cách hợp lệ để đ-ợc trao hợp đồng do Ngân hàng tài trợ vĩnh viễn hoặc trong một thời gian nhất định nếu vào bất kỳ lúc nào Ngân hàng xác định đ-ợc rằng Công ty đó có những hành động, trực tiếp hoặc thông qua một ng-ời thay mặt, tham nhũng, gian lận, thông đồng, hoặc bắt ép, trong khi cạnh tranh để giành hợp đồng, hoặc khi thực hiện một hợp đồng do Ngân hàng tài trợ.

35.6 Ngân hàng có quyền yêu cầu Chủ đầu t- đ-a vào HSMT và hợp đồng điều khoản yêu cầu nhà thầu cho phép Ngân hàng (i) kiểm tra sổ sách, tài liệu và tài khoản của nhà thầu có liên quan đến việc đấu thầu và thực hiện gói thầu liên quan (ii) kiểm toán các tài liệu này bởi cơ quan kiểm toán do Ngân hàng chỉ định.

## G. Dữ liệu đấu thầu

|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (2.1) | <p>N-ớc cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam dự định dành một phần của khoản tín dụng IDA số: .....của Hiệp hội Phát triển Quốc tế (Ngân hàng thế giới) cho Dự án: ..... để thanh toán cho các khoản chi hợp lệ trong Hợp đồng: .....</p> <p>Ngân hàng Thế giới sẽ chỉ thanh toán theo đề nghị của bên vay vốn trên cơ sở tuân thủ</p> |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

<sup>2</sup> Bao gồm cả nhân viên Ngân hàng Thế giới và nhân viên của các tổ chức thực hiện hoặc xem xét các quyết định mua sắm.

|        | <p>trên mọi ph- ơng diện điều khoản và điều kiện của Hiệp định đó. Trừ khi Ngân hàng Thế giới có thể thoả thuận khác đi, không có ai ngoài bên vay có bất kỳ quyền nào từ Hiệp định tín dụng hay bất kỳ quyền nào đối với khoản tín dụng.</p> <p>Hiệp định tín dụng cấm việc rút tiền từ tài khoản tín dụng để thanh toán cho các cá nhân hay tổ chức hoặc để nhập khẩu các loại hàng hoá, nếu việc thanh toán hay nhập khẩu nh- vậy, theo quan điểm của Ngân hàng Thế giới, là bị cấm do quyết định của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, thực hiện theo Ch- ơng VII, Hiến ch- ơng Liên Hiệp Quốc.</p> |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------------------------------|--------|-----------|---|--|--|--|---|--|--|--|-----|--|--|--|
| (3.1)  | Thông báo mời thầu dành cho các nhà thầu từ các quốc gia hợp lệ đ- ợc xác định trong <i>H- ướng dẫn mua sắm theo Vốn vay IBRD và Tín dụng IDA, tháng 5-2004</i> .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| (4.3b) | Tổng giá trị bằng tiền của các công việc xây dựng thực hiện trong (3) năm vừa qua                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| (4.3c) | Kinh nghiệm thi công các Công trình có quy mô và tính chất t- ơng tự trong (3) năm vừa qua.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| (4.3f) | <p>Tùu theo quy định và thông lệ hiện hành áp dụng cho doanh nghiệp mình, nhà thầu nộp các báo cáo về tình hình tài chính trong (3) năm vừa qua, <u>nh- là</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kinh doanh và bảng cân đối tài chính của nhà thầu</li> <li>- Báo cáo về tình hình lãi và lỗ</li> <li>- Báo cáo kiểm toán</li> <li>- Báo cáo của cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp nhà n- ớc</li> <li>- Báo cáo của cơ quan thuế liên quan</li> </ul>                                                                                                                        |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| (4.3i) | Thông tin liên quan đến bất kỳ tranh chấp nào hiện nay và tr- ớc đây trong (3) năm vừa qua.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| (4.5a) | Khối l- ợng thi công bình quân hàng năm trong (3) năm vừa qua phải lớn hơn hoặc bằng: ..... Đồng Việt Nam. Nếu các báo cáo ở mục 4.3f không rõ, nhà thầu có thể cung cấp bản sao hợp đồng và tài liệu về các phần đã đ- ợc nghiệm thu thanh toán                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| (4.5b) | Nhà thầu chính thi công (1) công trình t- ơng tự trong 3 năm vừa qua. Một công trình t- ơng tự là công trình có tính chất và quy mô nh- công trình mô tả ở mục 1 – Dữ liệu mời thầu và Phần 4 – Giới thiệu công trình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| (4.5c) | <p>Yêu cầu các thiết bị chủ yếu để thực hiện Hợp đồng :</p> <table border="1" style="width: 100%;"> <thead> <tr> <th>Số TT</th><th>Tên thiết bị và tính năng chính</th><th>Đơn vị</th><th>Số l- ợng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>2</td><td></td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>v.v</td><td></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>                                                                                                                                                                                                    | Số TT  | Tên thiết bị và tính năng chính | Đơn vị | Số l- ợng | 1 |  |  |  | 2 |  |  |  | v.v |  |  |  |
| Số TT  | Tên thiết bị và tính năng chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Đơn vị | Số l- ợng                       |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| 1      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| 2      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| v.v    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| (4.5d) | Chỉ huy tr- ợng công tr- ờng có ít nhất (5) năm kinh nghiệm chuyên môn về (nếu yêu cầu cụ thể) và (2) năm làm việc với chức vụ chỉ huy tr- ợng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |
| (4.5e) | Tổng giá trị vốn l- u động và/hoặc tín dụng ngân hàng (đã trừ đi cam kết theo các hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |        |                                 |        |           |   |  |  |  |   |  |  |  |     |  |  |  |

|               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|               | đồng khác và không kể tạm ứng theo hợp đồng này) của nhà thầu phải lớn hơn hoặc bằng: ..... Đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| (8.1)         | <p>Một bộ Hồ sơ mời thầu bao gồm các tài liệu sau :</p> <p><b>Tập I      Chỉ dẫn cho nhà thầu</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1.      Chỉ dẫn cho nhà thầu.</li> <li>2.      Mẫu hồ sơ dự thầu, Thông tin năng lực, Th- chấp thuận và Mẫu hợp đồng.</li> <li>3.      Điều kiện hợp đồng.</li> <li>4.      Giới thiệu công trình.</li> <li>5.      Danh mục bản vẽ.</li> <li>6.      Bảng kê khối l- ợng.</li> <li>7.      Các mẫu bảo lãnh</li> </ol> <p><b>Tập II      Yêu cầu kỹ thuật</b></p> <p><b>Tập III      Bản vẽ</b></p> |
| (8.2)         | Số l- ợng bản Hồ sơ dự thầu phải nộp là: <i>1 bản gốc và (2) bản sao.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>(13.4)</b> | <b>Giá trị hợp đồng được điều chỉnh theo điều 40.6 Điều kiện chung của hợp đồng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| (14.1)        | Đồng tiền dự thầu là đồng Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| (15.1)        | Thời gian hiệu lực của Hồ sơ dự thầu là (90) ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ dự thầu đ- ọc qui định trong Dữ liệu Đấu thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| (15.3)        | Nếu thời gian hiệu lực HSDT đ- ọc kéo dài quá 56 ngày, tổng giá trị thanh toán cho nhà thầu trúng thầu sẽ đ- ọc tăng thêm bằng cách nhân giá trị chào thầu đã chỉnh sửa với chỉ số lạm phát - ớc tính cho giai đoạn chậm trễ quá 56 ngày kể từ ngày hết hiệu lực ban đầu cho đến ngày thông báo trao thầu. Việc xét thầu sẽ dựa trên giá dự thầu chứ không tính đến điều chỉnh này                                                                                                                                                                |
| (16.1)        | Giá trị Bảo lãnh dự thầu là: ..... Đồng. Bảo lãnh dự thầu phải là bảo lãnh ngân hàng theo mẫu quy định và có giá trị (120) ngày kể từ ngày mở thầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| (17.1)        | <p>Các đề xuất thay thế (ph- ơng án phụ):</p> <p><i>(đ- ọc phép / không đ- ọc phép)</i></p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| (19.2)        | Địa chỉ của Chủ đầu t- để nộp Hồ sơ dự thầu :                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| (20.1)        | Ngày giờ hết hạn nộp hồ sơ dự thầu:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

|        |                                                                                                                                                |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| (23.1) | Việc mở thầu sẽ tiến hành vào lúc <sup>3</sup> :<br><br>Tại địa điểm <sup>4</sup> :                                                            |
| (33.1) | Tiền tạm ứng tối đa cho Nhà thầu : .....% Giá trị Hợp đồng                                                                                     |
| (34.1) | Trọng tài do Chủ đầu t- đề nghị là:<br><br>Các khoản chi phí và hình thức thanh toán căn cứ vào các quy định hiện hành của chính phủ Việt nam. |

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

---

<sup>3</sup> ngay sau khi hết hạn nộp hồ sơ dự thầu

<sup>4</sup> Nên cùng chỗ nộp hồ sơ dự thầu

## **Phần 2. Đơn xin dự thầu , Thông tin năng lực, Th- chấp thuận , Mẫu hợp đồng**

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

## Đơn xin dự thầu của nhà thầu

### Ghi chú về mẫu Đơn và giá dự thầu của Nhà thầu

Ng-ời dự thầu phải điền vào và nộp Đơn và Giá dự thầu này. Nếu Ng-ời dự thầu không đồng ý trọng tài do Chủ đầu đầu t- đề nghị trong hồ sơ mời thầu, thì Ng-ời dự thầu phải nêu trong đơn dự thầu của mình và đ- a ra một trọng tài thay thế theo Điều 36 của phần Chỉ dẫn cho Nhà thầu.

Ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

### Kính gửi:

Chúng tôi xin thực hiện việc thi công công trình \_\_\_\_\_  
theo đúng các điều kiện hợp đồng kèm theo Hồ sơ dự thầu này với Giá trị Hợp đồng là:

Yêu cầu tạm ứng là \_\_\_\_\_.

Chúng tôi đồng ý / không đồng ý việc chỉ định \_\_\_\_\_  
là trọng tài cho các tranh chấp hợp đồng.

Hồ sơ dự thầu này và văn bản chấp thuận của quý Ông/Bà sẽ là Hợp đồng ràng buộc giữa hai bên. Chúng tôi hiểu rằng quý Ông/Bà không nhất thiết phải chấp thuận Hồ sơ dự thầu thấp nhất hay bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào mà quý Ông/Bà nhận đ- ọc.

Chúng tôi khẳng định rằng Hồ sơ dự thầu này tuân thủ đúng yêu cầu về hiệu lực của Hồ sơ dự thầu và Bảo lãnh dự thầu nêu trong Hồ sơ mời thầu và đ- ọc qui định trong Dữ liệu Đấu thầu.

(Chữ ký ng-ời đ- ọc uỷ quyền)

(Tên và Chức vụ ng-ời ký)

(Tên đơn vị dự thầu)

(Địa chỉ)

cuu duong than cong. com

## Thông tin năng lực

### Ghi chú về Mẫu Thông tin Năng lực

Thông tin do Ng-ời dự thầu điền vào các trang sau đây sẽ đ-ợc sử dụng cho việc đánh giá năng lực nhà thầu sau khi xét thầu (hậu tuyển) đ-ợc qui định trong Điều 4 của Phần Chỉ dẫn cho Ng-ời dự thầu. Thông tin này sẽ không đ- a vào Hợp đồng.

#### 1. Ng-ời dự thầu độc lập hay Các thành viên của Liên danh

##### 1.1. T- cách pháp nhân của Ng-ời dự thầu (*gửi kèm bản sao*)

- Quyết định thành lập
- Giấy phép kinh doanh
- Đăng ký hành nghề

(*Nơi đăng ký*)

(*Địa điểm kinh doanh chính*)

Văn bản uỷ quyền ký Hồ sơ dự thầu (*gửi kèm theo*)

##### 1.2. Tổng khối l- ợng thi công hàng năm đã thực hiện trong một số năm vừa qua theo qui định trong DLDT.

##### 1.3. Công trình đã thực hiện với t- cách Nhà thầu chính có tính chất và quy mô t- ợng tự trong một số năm vừa qua nh- quy định trong DLDT. Liệt kê chi tiết về công trình đang thi công hay đã cam kết, kể cả thời gian dự kiến hoàn thành.

| Tên dự án và quốc gia | Chủ đầu t- và ng-ời liên hệ | Loại công việc thực hiện và năm hoàn thành | Giá trị hợp đồng (Đồng VN) |
|-----------------------|-----------------------------|--------------------------------------------|----------------------------|
|                       |                             |                                            |                            |

##### 1.4. Các hạng mục Thiết bị chủ yếu của Nhà thầu dự kiến để thực hiện Công trình. Liệt kê tất cả các thông tin đ- ợc yêu cầu bên d- ối. Xem Điều 4.3 (d) của Phần Chỉ dẫn cho Ng-ời dự thầu.

| Tên thiết bị | Ký mã hiệu và năm sản xuất | Tình trạng (mới, tốt, cũ, hỏng) và số l- ợng sẵn có | Sở hữu, thuê (ở đâu) hay sẽ mua (ở đâu) |
|--------------|----------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------|
|              |                            |                                                     |                                         |

- 1.5. Năng lực và kinh nghiệm của cán bộ chủ chốt dự kiến cho việc quản lý và thực hiện Hợp đồng. Kèm theo tiểu sử (Bảng cấp chuyên môn và quá trình công tác). Tham khảo Điều 4.3 (e) Phân Chỉ dẫn cho Ng-ời dự thầu và Điều 9.1 của Phân Điều kiện Hợp đồng.

| Chức vụ | Họ và tên | Số năm công tác<br>(nói chung) | Số năm kinh nghiệm ở vị trí dự<br>kiến trong Hợp đồng này |
|---------|-----------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------|
|         |           |                                |                                                           |

- 1.6. Các hợp đồng thầu phụ dự kiến và tên các thầu phụ liên quan. Tham khảo Điều 7 của Điều kiện Hợp đồng.

| Bộ phận của<br>Công trình | Giá trị hợp đồng<br>thầu phụ | Nhà thầu phụ<br>(tên và địa chỉ) | Kinh nghiệm trong công<br>việc t-ơng tự |
|---------------------------|------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|
|                           |                              |                                  |                                         |

- 1.7. Các báo cáo tài chính trong theo yêu cầu trong điều 4.3(f). Liệt kê bên d-ới và kèm theo các bản sao.

---



---

- 1.8. Bảng chứng về khả năng huy động các nguồn lực tài chính để thoả mãn các yêu cầu về năng lực thực hiện hợp đồng này: tiền mặt, tín dụng vay ngân hàng, v.v. theo yêu cầu trong điều 4.3 (g) Liệt kê bên d-ới và kèm theo các bản sao cần thiết để chứng minh.

---



---

- 1.9. Tên, địa chỉ, số điện thoại, fax, email của các ngân hàng có thể cung cấp thông tin tham khảo nếu Chủ đầu t- liên hệ.

- 1.10 Thông tin về các tranh chấp hiện tại mà Ng-ời dự thầu có liên quan

| Các bên khác | Lý do tranh chấp | Tổng giá trị liên quan |
|--------------|------------------|------------------------|
|              |                  |                        |

- 1.11. Cam kết tuân thủ các yêu cầu của Điều 3.2 của Phân Chỉ dẫn cho Ng-ời dự thầu.

- 1.12. Kế hoạch thi công dự kiến (ph-ong pháp và tiến độ công việc). Các thuyết minh, bản vẽ và sơ đồ cần thiết, để tuân thủ các yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

## **2. Liên danh**

- 2.1. Mỗi bên của liên danh phải cung cấp các thông tin liệt kê từ Phần 1.1 đến phần 1.11 nêu trên.
- 2.2. Liên danh phải cung cấp thông tin trong phần 1.12.
- 2.3. Gửi kèm theo các văn bản uỷ quyền ng-ời ký Hồ sơ dự thầu đ-ợc ký Hồ sơ dự thầu thay mặt cho liên danh.
- 2.4. Gửi kèm theo Hợp đồng Liên danh giữa các bên trong liên danh (là văn bản ràng buộc tất cả các bên về mặt pháp lý) nêu rõ
- (a) tất cả các bên phải cùng chịu trách nhiệm pháp lý chung và riêng từng bên về việc thực hiện Hợp đồng theo đúng các điều khoản hợp đồng.
  - (b) một trong các bên phải đ-ợc chỉ định chịu trách nhiệm chính, đ-ợc uỷ quyền chịu trách nhiệm pháp lý, nhận các chỉ thị của chủ đầu t- và thay mặt cho tất cả các bên trong liên danh, và
  - (c) việc thực thi toàn bộ Hợp đồng, kể cả việc thanh toán, sẽ đ-ợc tiến hành chỉ với bên chịu trách nhiệm chính.

## **3. Các yêu cầu thêm**

- 3.1. Ng-ời dự thầu phải cung cấp thêm bất kỳ thông tin nào đ-ợc yêu cầu trong Dữ liệu đấu thầu hay để đáp ứng các yêu cầu của Điều 4.1 của Phần chỉ dẫn cho Ng-ời dự thầu, nếu có liên quan.

## Th- chấp thuận

Ngày \_\_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_

Chúng tôi xin thông báo với quý \_\_\_\_\_ rằng Hồ sơ dự thầu của quý  
\_\_\_\_\_ đề ngày \_\_\_\_\_ cho việc thi công  
công trình \_\_\_\_\_

với giá trị Hợp đồng \_\_\_\_\_ đã đ- ọc chỉnh sửa và bổ  
sung theo Phần Chỉ dẫn cho Nhà thầu đ- ọc Hội đồng Xét thầu của chúng tôi chấp thuận theo  
Quyết định số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Chúng tôi \_\_\_\_\_ chấp nhận \_\_\_\_\_  
đ- ọc chỉ định là trọng tài xử lý các tranh chấp hợp đồng.

Chúng tôi đề nghị quý \_\_\_\_\_ tiến hành thi công Công trình nêu trên theo đúng  
Hợp đồng.

\_\_\_\_\_  
(Chữ ký ng- ời đ- ọc uỷ quyền)

\_\_\_\_\_  
(Tên và chức vụ ng- ời ký)

\_\_\_\_\_  
(Tên Chủ đầu t- )

Tài liệu kèm theo : Dự thảo Hợp đồng

## Mẫu hợp đồng

Hợp đồng này đ- ọc lập ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ giữa một bên là

(sau đây đ- ọc gọi là "Chủ đầu t- ") và một bên là

(sau đây gọi là "Nhà thầu")

Căn cứ vào việc Chủ đầu t- yêu cầu Nhà thầu thực hiện việc thi công công trình \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là "Công trình");

Căn cứ vào việc Chủ đầu t- đã chấp thuận Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu về việc thi công và hoàn thành Công trình và sửa chữa mọi sai sót trong công trình;

Hai bên thoả thuận nh- sau:

1. Trong Hợp đồng này các từ ngữ phải đ- ọc hiểu theo định nghĩa trong phần Điều kiện hợp đồng.
2. Để đ- ọc Chủ đầu t- thanh toán cho Nhà thầu nh- nêu d- ối đây, Nhà thầu cam kết với Chủ đầu t- thực hiện, hoàn thành Công trình và sửa chữa mọi sai sót trong công trình, tuân thủ các điều khoản của Hợp đồng này trên mọi ph- ơng diện.
3. Chủ đầu t- cam kết thanh toán cho Nhà thầu giá trị Hợp đồng hoặc các khoản tiền khác có thể phải thanh toán theo các điều khoản Hợp đồng, vào thời gian và theo ph- ơng thức đ- ọc qui định trong Hợp đồng trên cơ sở xem xét việc thực hiện và hoàn thành Công trình và sửa chữa các sai sót của công trình.
4. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các tài liệu sắp xếp theo thứ tự - u tiên sau đây. Khi có sự mâu thuẫn hay trái ng- ợc nào giữa các tài liệu thì các tài liệu đó phải đ- ọc diễn giải theo thứ tự - u tiên.
  - (1) Hợp đồng
  - (2) Th- Chấp thuận
  - (3) Đơn xin dự thầu và giá chào thầu của Nhà thầu
  - (4) Dữ liệu Hợp đồng
  - (5) Điều kiện Hợp đồng,
  - (6) Yêu cầu kỹ thuật,
  - (7) Bản vẽ
  - (8) Bản kê Khối l- ợng có ghi giá và
  - (9) Bất kỳ tài liệu nào khác đ- ọc liệt kê trong Dữ liệu Hợp đồng để tạo thành một phần của Hợp đồng.
5. Hợp đồng này đ- ọc thành lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị nh- nhau.
  - ♦ Chủ đầu t- \_\_\_\_\_ bản
  - ♦ Nhà thầu \_\_\_\_\_ bản
  - ♦ Trọng tài kinh tế \_\_\_\_\_ bản

Hợp đồng này đ- ọc ký vào thời gian nêu trên tại: \_\_\_\_\_

Thay mặt Chủ đầu t- \_\_\_\_\_

Thay mặt Nhà thầu \_\_\_\_\_

## Phần 3. Điều kiện hợp đồng

### A. Quy định chung

#### 1. Định Nghĩa

- 1.1. Các thuật ngữ đ-ợc xác định trong Dữ liệu Hợp đồng không những đ-ợc định nghĩa trong Điều kiện Hợp đồng mà còn giữ nguyên ý nghĩa đ-ợc xác định của chúng. Những chữ in đậm dùng để nhận dạng các thuật ngữ đ-ợc định nghĩa.

**Trọng tài** là ng-ời đ-ợc Chủ đầu t- và Nhà thầu cùng chỉ định để giải quyết các tranh chấp hợp đồng, nh- qui định trong các Điều 24 và 25 d-ới đây.

**Bảng kê Khối l-ợng** là Bảng kê Khối l-ợng có giá và đã hoàn chỉnh tạo thành một bộ phận của Hồ sơ dự thầu.

**Sự kiện Bồi th-ờng** là các sự kiện đ-ợc xác định theo Điều 44 d-ới đây.

**Ngày hoàn thành** là ngày hoàn tất Công trình đ-ợc Giám đốc điều hành công trình xác nhận theo Điều 54.1.

**Hợp đồng** là Hợp đồng giữa Chủ đầu t- và Nhà thầu để thực hiện, hoàn thành và bảo d-ỡng Công trình. Hợp đồng bao gồm các tài liệu liệt kê trong Điều 2.3 d-ới đây.

**Nhà thầu** là một cá nhân hay một tổ chức có Hồ sơ dự thầu để thực hiện Công trình đ-ợc Chủ đầu t- chấp thuận.

**Hồ Sơ dự thầu** của Nhà thầu là tài liệu đấu thầu đã hoàn chỉnh do Nhà thầu trình cho Chủ đầu t-.

**Giá Hợp đồng** là giá ghi trong Th- Chấp thuận và sau này có thể đ-ợc điều chỉnh phù hợp với các điều khoản Hợp đồng.

**Ngày công** là các đầu vào công việc khác nhau đ-ợc thanh toán trên cơ sở thời gian sử dụng nhân công và thiết bị của Nhà thầu, ngoài các khoản thanh toán cho Vật liệu và thiết bị liên quan.

**Ngày** là các ngày tính theo d-ong lịch, **tháng** là các tháng tính theo d-ong lịch.

**Sai sót** là bất kỳ phần nào của công trình ch- a hoàn thành theo đúng Hợp đồng.

**Thời gian chịu trách nhiệm pháp lý về sai sót (Thời hạn bảo hành công trình xây dựng)** là khoảng thời gian đ-ợc ghi trong Dữ liệu Hợp đồng và đ-ợc tính từ Ngày Hoàn thành.

**Bản vẽ** bao gồm các tính toán và thông tin khác đ-ợc Giám đốc điều hành công trình cung cấp hay phê chuẩn để thực hiện Hợp đồng.

**Chủ đầu t-** là bên thuê Nhà thầu thực hiện Công trình.

**Giám đốc điều hành công trình** là người được ghi tên trong Dữ liệu Hợp đồng (hoặc bất kỳ người nào khác có thẩm quyền do Chủ đầu tư chỉ định và thông báo cho Nhà thầu, làm việc thay thế cho Giám đốc điều hành công trình) chịu trách nhiệm giám sát thực hiện Công trình và quản lý Hợp đồng.

**Thiết bị** là các máy móc và xe cộ của Nhà thầu được tạm thời mang đến công trường để thi công Công trình.

**Giá Hợp đồng ban đầu** là Giá Hợp đồng ghi trong Thước Chấp thuận của Chủ đầu tư.

**Ngày Hoàn thành Dự kiến** là ngày mà dự kiến Nhà thầu sẽ hoàn thành Công trình. Ngày hoàn thành dự kiến được qui định trong Dữ liệu Hợp đồng. Chỉ có Giám đốc điều hành công trình mới có thể điều chỉnh Ngày hoàn thành Dự kiến bằng cách ban hành lệnh gia hạn thời gian hay đẩy nhanh tiến độ.

**Vật liệu** là tất cả mọi thứ cung cấp, kể cả các loại tiêu hao được Nhà thầu sử dụng để tạo nên Công trình.

**Máy móc** là bất kỳ bộ phận không tách rời nào của Công trình có chức năng về cơ điện, hoá học hay sinh học.

**Công trường** là khu vực được xác định trong Dữ liệu Hợp đồng.

**Báo cáo Khảo sát Công trường** là các báo cáo được đính kèm trong hồ sơ mời thầu và là các báo cáo thực tế và diễn giải về điều kiện bề mặt và tầng dưới bề mặt của Công trường.

**Yêu cầu kỹ thuật** là các yêu cầu kỹ thuật của Công trình kèm trong Hợp đồng và bất kỳ thay đổi hay bổ sung nào được Giám đốc điều hành công trình đưa ra hay phê chuẩn.

**Ngày Khởi công** là ngày được ghi trong Dữ liệu Hợp đồng. Đó là ngày chậm nhất mà Nhà thầu phải bắt đầu thực hiện Công trình. Ngày khởi công không nhất thiết phải trùng với Ngày được quyền sử dụng Công trường.

**Nhà thầu phụ** là một cá nhân hay tổ chức ký Hợp đồng với Nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng, kể cả các công việc tại Công trường.

**Việt Nam** nghĩa là Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

**Công trình tạm** là các công trình cần thiết cho việc thi công và lắp đặt Công trình do Nhà thầu thiết kế, thi công, lắp đặt và tháo dỡ.

**Thay đổi** là chỉ thị do Giám đốc điều hành công trình đưa ra làm thay đổi Công trình.

**Công trình** là những gì mà Hợp đồng yêu cầu Nhà thầu thi công, lắp đặt và bàn giao cho Chủ đầu tư được xác định trong Dữ liệu Hợp đồng.

## 2. Diễn giải

- 2.1. Trong việc diễn giải Điều kiện Hợp đồng này, các tiêu đề không có ý nghĩa gì đặc biệt quan trọng, các từ ngữ mang ý nghĩa bình thường trong ngôn ngữ của Hợp đồng trừ phi khi được định nghĩa đặc biệt. Giám đốc điều hành công trình sẽ cung cấp các chỉ dẫn để giải thích rõ các thắc mắc về Điều kiện Hợp đồng này.

- 2.2. Nếu việc hoàn thành từng phần đ- ọc quy định trong Dữ liệu Hợp đồng, thì các tham chiếu trong Điều kiện Hợp đồng về Công trình, Ngày Hoàn thành và Ngày Hoàn thành Dự kiến cũng sẽ áp dụng cho bất kỳ bộ phận nào của Công trình trừ các tham chiếu về Ngày Hoàn thành và Ngày Hoàn thành Dự kiến là áp dụng cho toàn bộ Công trình).
- 2.3. Các tài liệu tạo thành Hợp đồng phải đ- ọc diễn giải theo thứ tự - u tiên sau đây :
- (1) Hợp đồng
  - (2) Th- Chấp thuận.
  - (3) Đơn xin dự thầu và giá chào thầu của Nhà thầu
  - (4) Dữ liệu Hợp đồng
  - (5) Điều kiện Hợp đồng,
  - (6) Yêu cầu kỹ thuật,
  - (7) Bản vẽ,
  - (8) Bản kê Khối l- ượng có ghi giá, và
  - (9) Bất kỳ tài liệu nào khác đ- ọc liệt kê trong Dữ liệu Hợp đồng để tạo thành một phần của Hợp đồng.

### **3. Ngôn ngữ và Luật**

- 3.1. Ngôn ngữ của Hợp đồng và luật chi phối Hợp đồng đ- ọc trình bày trong Dữ liệu Hợp đồng.

### **4. Quyết định của Giám đốc điều hành công trình**

- 4.1. Giám đốc điều hành công trình trong vai trò đại diện cho Chủ đầu t- sẽ quyết định các vấn đề về hợp đồng giữa Chủ đầu t- và Nhà thầu. Các tr- ờng hợp đặc biệt sẽ đ- ọc quy định riêng cụ thể.

### **5. Ủy quyền**

- 5.1. Giám đốc điều hành công trình có thể ủy nhiệm bất kỳ nghĩa vụ và trách nhiệm nào của mình cho ng- ời khác, trừ Trọng tài, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu, và có thể huỷ bỏ việc ủy nhiệm sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.

### **6. Trao đổi thông tin**

- 6.1. Mọi thông tin trao đổi giữa các bên đ- ọc đề cập trong Điều kiện Hợp đồng sẽ chỉ có hiệu lực khi bằng văn bản. Thông báo chỉ có hiệu lực sau khi đã đ- ọc chuyển tới nơi.

### **7. Thầu phụ**

- 7.1. Nhà thầu có thể ký hợp đồng thầu phụ sau khi có phê chuẩn của Giám đốc điều hành công trình, nh- ng không đ- ọc nh- ợng lại Hợp đồng mà không có sự phê chuẩn bằng văn bản của Chủ đầu t- . Việc thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu.

### **8. Các Nhà thầu khác**

- 8.1. Nhà thầu phải hợp tác và chia sẻ Công tr- ờng với các nhà thầu khác, các cơ quan, dịch vụ công cộng và Chủ đầu t- vào thời gian đ- ọc ghi trong Lịch trình Các Nhà thầu khác đ- ọc đề cập trong Dữ liệu Hợp đồng. Nhà thầu cũng sẽ phải cung cấp các ph- ơng tiện và dịch vụ cho họ nh- đ- ọc mô tả trong Lịch trình. Chủ đầu t- có thể bổ sung Lịch trình Các Nhà thầu khác, và phải thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về bất kỳ thay đổi nào nh- vậy.

## 9. Cán bộ

- 9.1. Nhà thầu phải dùng các cán bộ chủ chốt có tên trong Danh sách cán bộ Chủ chốt đã- ọc đề cập trong Dữ liệu Hợp đồng để thực hiện các chức năng đã- ọc trình bày trong Danh sách hoặc dùng các nhân sự khác đã- ọc Giám đốc điều hành công trình phê chuẩn. Giám đốc điều hành công trình sẽ chỉ phê chuẩn việc đề xuất thay thế cán bộ chủ chốt chỉ trong trường hợp năng lực và trình độ của những người thay thế về cơ bản bằng hay cao hơn các nhân sự đã- ọc liệt kê trong Danh sách.
- 9.2. Nếu Giám đốc điều hành công trình yêu cầu Nhà thầu cho thôi việc một thành viên trong số nhân viên hay lực lượng lao động của Nhà thầu với lý do chính đáng, thì Nhà thầu phải bảo đảm rằng người đó sẽ rời khỏi Công trường trong vòng năm ngày làm việc và không còn mối liên hệ nào nữa với công việc trong Hợp đồng.

## 10. Rủi ro của Chủ đầu tư- và Nhà thầu

- 10.1 Chủ đầu tư- chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này gọi là rủi ro của Chủ đầu tư-, và Nhà thầu chịu mọi rủi ro mà Hợp đồng này gọi là rủi ro của Nhà thầu.

## 11. Rủi ro của Chủ đầu tư-

- 11.1. Kể từ Ngày Khởi công cho đến khi Chứng nhận Sửa chữa Sai sót đã- ọc ấn hành, các rủi ro sau đây là rủi ro của Chủ đầu tư- :
- (a) Rủi ro về bị thương, tử vong, hoặc mất mát hay hỏng tài sản (không kể Công trình, Máy móc, Vật liệu, và Thiết bị) do:
    - (i) sử dụng công trường để thi công Công trình hoặc cho mục đích của Công trình.
    - (ii) việc Chủ đầu tư- hay bất kỳ người nào khác đã- ọc Chủ đầu tư- sử dụng hoặc thuê hợp đồng, trừ Nhà thầu, có sơ suất, vi phạm chức năng nhiệm vụ quy định, hay can thiệp nào bất kỳ quyền pháp lý nào.
  - (b) Rủi ro về hỏng hại đối với Công trình Máy móc, Vật liệu và Thiết bị do lỗi của Chủ đầu tư- hay thiết kế của Chủ đầu tư-, hoặc do chiến tranh, thiên tai, nhiễm phóng xạ hoặc do bất kỳ một sự kiện nào khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Nhà thầu.
- 11.2. Kể từ Ngày Hoàn thành cho đến khi Chứng nhận Sửa chữa Sai sót đã- ọc ấn hành, các rủi ro về tổn thất hay hỏng hại đối với Công trình, Máy móc và Vật liệu là rủi ro của Chủ đầu tư- ngoại trừ khi tổn thất hay hỏng hại do:
- (a) một Sai sót tồn tại vào Ngày Hoàn thành,
  - (b) một sự việc xảy ra trước Ngày Hoàn thành mà tự nó không phải là rủi ro của Chủ đầu tư-, hoặc
  - (c) các hoạt động của Nhà thầu trên Công trường sau Ngày Hoàn thành

## **12. Rủi ro của Nhà thầu**

- 12.1. Kể từ Ngày Khởi công cho đến khi Chứng nhận Sửa chữa Sai sót đ- ọc ấn hành, các rủi ro bị th- ơng hoặc tử vong và mất mát hay h- hỏng tài sản (kể cả, nh- ng không chỉ hạn chế, Công trình, Máy móc, Vật liệu và Thiết bị) không phải là rủi ro của Chủ đầu t- sẽ là rủi ro của Nhà thầu.

## **13. Bảo hiểm**

- 13.1. Nhà thầu phải cung cấp một khoản bảo hiểm, đứng tên chung của Chủ đầu t- và Nhà thầu, bao trùm từ Ngày khởi công cho đến hết Thời gian chịu trách nhiệm pháp lý về sai sót (thời hạn bảo hành công trình xây dựng), theo tổng giá trị trình bày trong Dữ liệu Hợp đồng đối với các sự kiện sau do rủi ro của Nhà thầu.

- (a) mất mát hay h- hỏng đối với Công trình, Máy móc và Vật liệu
- (b) mất mát hay h- hỏng đối với thiết bị,
- (c) mất mát hay h- hỏng tài sản (ngoại trừ Công trình, Máy móc, Vật liệu và Thiết bị) liên quan đến Hợp đồng, và
- (d) bị th- ơng hay tử nạn

- 13.2. Các hợp đồng và chứng nhận bảo hiểm phải đ- ọc Nhà thầu chuyển giao cho Giám đốc điều hành công trình để phê chuẩn tr- ớc Ngày Khởi công. Tất cả các bảo hiểm nh- vậy phải đ- ọc thanh toán bằng đồng VN.

- 13.2. Nếu Nhà thầu không cung cấp bất kỳ hợp đồng và chứng nhận bảo hiểm nào nh- yêu cầu, Chủ đầu t- có thể ký những hợp đồng bảo hiểm mà lẽ ra Nhà thầu phải cung cấp và thu lại số tiền đóng bảo hiểm Chủ đầu t- đã trả từ các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu hoặc, nếu không có khoản thanh toán nào đến hạn, thì việc thanh toán tiền đóng bảo hiểm sẽ là khoản nợ đến hạn của Nhà thầu.

- 13.4. Mọi thay đổi về các điều khoản bảo hiểm sẽ không đ- ọc phép nếu không có sự phê chuẩn bằng văn bản của Giám đốc điều hành công trình.

- 13.5. Cả hai bên phải tuân theo bất kỳ điều kiện nào của hợp đồng bảo hiểm.

## **14. Báo cáo Khảo sát Công tr- ờng**

- 14.1. Khi chuẩn bị Hồ sơ dự thầu, Nhà thầu phải dựa trên các Báo cáo Khảo sát Công tr- ờng nào đề cập trong Dữ liệu Hợp đồng, và đ- ọc bổ sung bằng bất kỳ thông tin nào cung cấp cho ng- ời dự thầu.

## **15. Các thắc mắc về Dữ liệu Hợp đồng**

- 15.1. Giám đốc điều hành công trình sẽ giải thích rõ các thắc mắc về Dữ liệu Hợp đồng.

## **16. Nhà thầu thi công Công trình**

- 16.1. Nhà thầu phải thi công và lắp đặt Công trình theo đúng Yêu cầu Kỹ thuật và các Bản vẽ.

## **17. Công trình phải đ- ọc Hoàn thành vào Ngày Hoàn thành Dự kiến**

- 17.1. Nhà thầu có thể bắt đầu thực hiện Công trình vào Ngày Khởi công và phải tiến hành Công trình theo đúng Kế hoạch thi công do Nhà thầu trình đã đ- ọc cập nhật và có sự phê chuẩn của Giám đốc điều hành công trình, và phải hoàn thành công trình vào Ngày Hoàn thành Dự kiến.

## **18. Phê chuẩn của Giám đốc điều hành công trình**

- 18.1. Nhà thầu phải trình Tiêu chuẩn Kỹ thuật và Bản vẽ của các Công trình Tạm dự kiến cho Giám đốc điều hành công trình. Giám đốc điều hành công trình sẽ phê chuẩn bằng văn bản nếu chúng tuân theo các Tiêu chuẩn Kỹ thuật và Bản vẽ.
- 18.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về việc thiết kế các Công trình Tạm.
- 18.3. Việc phê chuẩn của Giám đốc điều hành công trình sẽ không thay đổi trách nhiệm của Nhà thầu về việc thiết kế Công trình Tạm.
- 18.4. Nhà thầu phải xin phê chuẩn của bên thứ ba về việc thiết kế Công trình Tạm khi cần thiết.
- 18.5. Tất cả các Bản vẽ do Nhà thầu chuẩn bị nhằm thực hiện các Công trình tạm hay vĩnh cửu phải đ- ọc sự phê chuẩn của Giám đốc điều hành công trình tr- ớc khi sử dụng.

## **19. An toàn**

- 19.1. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về an toàn của tất cả các hoạt động tại Công tr- ờng.

## **20. Các khám phá**

- 20.1. Bất kỳ vật gì có tính chất lịch sử hay có giá trị đáng kể đ- ọc phát hiện tình cờ tại Công tr- ờng sẽ là tài sản của Chính phủ N- ớc Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Nhà thầu phải thông báo cho Giám đốc điều hành công trình các phát hiện này và thực hiện các chỉ dẫn của Giám đốc điều hành công trình để giải quyết các vấn đề trên.

## **21. Quyền sử dụng Công tr- ờng**

- 21.1. Chủ đầu t- phải giao quyền sử dụng tất cả các phần của Công tr- ờng cho Nhà thầu. Nếu việc sử dụng một phần nào đó ch- a đ- ọc giao vào ngày ghi trong Dữ liệu Hợp đồng, Chủ đầu t- sẽ đ- ọc xem là gây chậm trễ cho việc bắt đầu các hoạt động liên quan, và điều này sẽ là một Sự kiện Bồi th- ờng.

## **22. Ra vào Công tr- ờng**

- 22.1. Nhà thầu phải cho phép Giám đốc điều hành công trình hay bất kỳ ng- ời nào khác đ- ọc Giám đốc điều hành công trình uỷ quyền vào Công tr- ờng và đến bất kỳ nơi nào khác mà công việc có liên quan đến Hợp đồng đang đ- ọc thực hiện hoặc dự kiến sẽ đ- ọc thực hiện.

## **23. Chỉ thị**

- 23.1. Nhà thầu phải thực hiện tất cả các chỉ thị của Giám đốc điều hành công trình khi các chỉ thị này tuân theo các luật đ- ọc áp dụng nơi có Công tr- ờng.

## **24. Tranh chấp**

- 24.1. Nếu Nhà thầu cho rằng quyết định do Giám đốc điều hành công trình đ- a ra hoặc v- ợt quá quyền hạn cho phép của Giám đốc điều hành công trình trong Hợp đồng hoặc là sai trái, thì quyết định đó phải đ- ọc Trọng tài xem xét trong vòng 14 ngày kể từ ngày có thông báo về quyết định của Giám đốc điều hành công trình.

## **25. Thủ tục Tranh chấp**

- 25.1. Trọng tài phải ra quyết định bằng văn bản trong vòng 28 ngày kể từ ngày nhận thông báo về tranh chấp.
- 25.2. Mọi chi phí liên quan đến xử lý các tranh chấp thuộc quyền phân xử của Trọng tài và hình thức thanh toán đ- ọc quy định trong Dữ liệu Hợp đồng. Trong vòng 28 ngày kể từ ngày có quyết định bằng văn bản của Trọng tài bất kỳ bên nào cũng có thể chuyển quyết định phân xử của Trọng tài đến Tòa án ở cấp cao hơn xem xét. Nếu không thì trong vòng 28 ngày, quyết định của Trọng tài sẽ đ- ọc xem là quyết định cuối cùng và ràng buộc các bên.
- 25.3. Việc phân xử phải đ- ọc tiến hành theo các thủ tục phân xử do một cơ quan đ- ọc chỉ định ban hành và tại địa điểm ghi trong Dữ liệu Hợp đồng.

## **26. Thay đổi Trọng tài**

- 26.1. Nếu Chủ đầu t- và Nhà thầu thoả thuận rằng Trọng tài không làm tròn chức năng theo đúng các điều khoản Hợp đồng thì Chủ đầu t- và Nhà thầu sẽ cùng chỉ định một Trọng tài mới. Trong tr- ờng hợp có sự bất đồng ý kiến giữa Chủ đầu t- và Nhà thầu, thì trong vòng 30 ngày theo yêu cầu của bất kỳ bên nào, Cơ quan đ- ọc đề cử trong Dữ liệu Hợp đồng sẽ chỉ định một Trọng tài.

[cuuduongthancong.com](http://cuuduongthancong.com)

## **B. Quản lý thời gian**

### **27. Kế hoạch thi công**

- 27.1. Trong vòng thời gian qui định trong Dữ kiện Hợp đồng, Nhà thầu phải trình để Giám đốc điều hành công trình phê chuẩn một Kế hoạch thi công bao gồm các ph- ơng pháp chung, bố trí, thứ tự và thời gian cho tất các hoạt động của Công trình.
- 27.2. Một kế hoạch thi công đ- ọc cập nhật phải là kế hoạch chỉ ra tiến độ thực tế đạt đ- ọc cho mỗi một hạng mục và ảnh h- ưởng của tiến độ đạt đ- ọc đối với thời gian của các công việc còn lại, kể cả các thay đổi về trình tự các hạng mục.
- 27.3. Nhà thầu phải trình cho Giám đốc điều hành công trình phê chuẩn một Kế hoạch thi công đã cập nhật vào những thời điểm qui định trong Dữ liệu Hợp đồng. Nếu Nhà thầu không trình một Kế hoạch thi công đã cập nhật vào những thời điểm trên, Giám đốc điều hành công trình có thể giữ lại một số tiền qui định trong Dữ liệu Hợp đồng trong lần chứng nhận thanh toán tiếp theo. Số tiền này sẽ đ- ọc thanh toán ở lần thanh toán kế tiếp sau ngày mà Kế hoạch thi công quá hạn đã đ- ọc trình.
- 27.4. Việc phê chuẩn Kế hoạch thi công của Giám đốc điều hành công trình sẽ không thay thế các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu có thể điều chỉnh lại Kế hoạch thi công và trình lại cho Giám đốc điều hành công trình vào bất kỳ lúc nào. Một Kế hoạch thi công đã điều chỉnh lại phải chỉ rõ các ảnh h- ưởng của các Thay đổi và Sự kiện Bồi th- ờng.

### **28. Gia hạn Ngày Hoàn thành Dự kiến**

- 28.1. Giám đốc điều hành công trình phải gia hạn Ngày hoàn thành dự kiến nếu có xảy ra Sự kiện Bồi th- ờng hay có ban hành Thay đổi khiến cho việc hoàn thành không thể thực hiện đ- ợc vào Ngày Hoàn thành dự kiến nếu Nhà thầu không thực hiện các biện pháp để tăng nhanh việc thực hiện công việc còn lại mà điều đó sẽ làm cho Nhà thầu phải chịu thêm chi phí.
- 28.2. Giám đốc điều hành công trình phải quyết định có gia hạn hay không và gia hạn bao lâu Ngày Hoàn thành Dự kiến trong vòng 21 ngày kể từ khi Nhà thầu yêu cầu Giám đốc điều hành công trình ra quyết định căn cứ vào ảnh h- ờng của Sự kiện Bồi th- ờng hay Thay đổi và trình đầy đủ các thông tin hỗ trợ. Nếu Nhà thầu không cảnh báo tr- ớc về việc chậm trễ hay không hợp tác cùng giải quyết việc chậm trễ, thì mọi chậm trễ do các lý do đó sẽ không đ- ợc xem xét trong việc định lại Ngày Hoàn thành Dự kiến mới.

## **29. Đẩy nhanh tiến độ**

- 29.1. Khi Chủ đầu t- muốn Nhà thầu hoàn thành tr- ớc Ngày Hoàn thành Dự kiến, Giám đốc điều hành công trình phải yêu cầu Nhà thầu cung cấp các đề xuất giá (chi phí bổ xung) để đẩy nhanh tiến độ cần thiết. Nếu Chủ đầu t- chấp nhận các đề xuất này, Ngày Hoàn thành Dự kiến sẽ đ- ợc điều chỉnh cho phù hợp và đ- ợc cả Chủ đầu t- lẫn Nhà thầu xác nhận.
- 29.2. Nếu các đề xuất giá của Nhà thầu về việc đẩy nhanh tiến độ đ- ợc Chủ đầu t- chấp thuận, chúng sẽ đ- ợc đ- a vào Giá trị Hợp đồng và xử lý nh- là Thay đổi.

## **30. Chậm tiến độ theo lệnh của Giám đốc điều hành công trình**

- 30.1. Giám đốc điều hành công trình có thể chỉ thị Nhà thầu hoãn việc khởi công hay làm chậm lại tiến độ của bất kỳ hoạt động nào trong Công trình.

## **31. Các cuộc họp Quản lý**

- 31.1. Giám đốc điều hành công trình hoặc Nhà thầu đều có thể yêu cầu bên kia tham dự vào các cuộc họp quản lý. Công việc của một cuộc họp quản lý phải là xem xét lại các kế hoạch cho các công việc còn lại và giải quyết các vấn đề đ- ợc đ- a ra theo đúng các thủ tục cảnh báo tr- ớc.
- 31.2. Giám đốc điều hành công trình phải ghi biên bản nội dung của các cuộc họp quản lý và gửi biên bản này cho các thành viên tham dự cuộc họp và cho Chủ đầu t- . Trách nhiệm của các bên trong việc thực hiện các hành động nêu ra tại cuộc họp phải đ- ợc Giám đốc điều hành công trình quyết định hoặc ngay tại cuộc họp hoặc sau cuộc họp quản lý và phải trình bày bằng văn bản để gửi đến các thành viên tham dự cuộc họp.

## **32. Cảnh báo tr- ớc**

- 32.1. Nhà thầu phải cảnh báo sớm cho Giám đốc điều hành công trình về các sự kiện hoặc tình huống cụ thể sắp tới có thể gây tác hại đến chất l- ượng công trình, gia tăng Giá trị Hợp đồng hay làm chậm trễ việc thực hiện Công trình. Giám đốc điều hành công trình có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một báo cáo về ảnh h- ờng dự đoán của sự kiện hay tình huống t- ơng lai đối với Giá trị Hợp đồng và Ngày Hoàn thành. Nhà thầu phải cung cấp bản báo cáo này càng sớm càng tốt.
- 32.2. Nhà thầu phải hợp tác với Giám đốc điều hành công trình trong việc đ- a ra và xem xét các đề xuất để làm thế nào có thể tránh hoặc giảm đ- ợc ảnh h- ờng của sự kiện hay tình huống nh- vậy; ai có thể đ- ợc thực hiện đ- ợc các đề xuất đó (trong số những ng- ời có liên quan đến công việc) khi có chỉ thị của Giám đốc điều hành công trình.

## C. Quản lý chất lượng

### 33. Xác định Sai sót

- 33.1. Giám đốc điều hành công trình phải kiểm tra đánh giá chất lượng công việc của Nhà thầu và thông báo cho Nhà thầu về bất kỳ Sai sót nào đã được tìm thấy. Việc kiểm tra này không ảnh hưởng đến trách nhiệm của Nhà thầu. Giám đốc điều hành công trình có thể chỉ thị Nhà thầu tìm kiếm Sai sót và kiểm tra bất kỳ công việc nào mà Giám đốc điều hành công trình cho là có thể có Sai sót.

### 34. Kiểm tra

- 34.1 Nếu Giám đốc điều hành công trình chỉ thị Nhà thầu tiến hành một thí nghiệm không quy định trong Tiêu chuẩn Kỹ thuật để kiểm tra bất kỳ công việc nào xem có Sai sót không và việc kiểm tra cho thấy có Sai sót, thì Nhà thầu phải thanh toán chi phí về thí nghiệm. Nếu không có Sai sót, thí nghiệm đó phải là Sự kiện Bồi thường theo Điều khoản 44.1. (d).

### 35. Sửa chữa Sai sót

- 35.1. Giám đốc điều hành công trình phải thông báo cho Nhà thầu về bất kỳ Sai sót nào trước khi kết thúc Thời gian chịu trách nhiệm pháp lý về sai sót (thời gian bảo hành công trình) đã được bắt đầu vào Ngày hoàn thành, và đã được xác định trong Dữ liệu Hợp đồng. Thời gian chịu trách nhiệm pháp lý về sai sót phải được gia hạn cho đến khi các Sai sót tồn tại đã được chỉnh sửa xong.
- 35.2. Mỗi lần có thông báo về Sai sót. Nhà thầu phải sửa chữa các Sai sót đã được thông báo đó trong khoảng thời gian đã được Giám đốc điều hành công trình quy định trong thông báo.

### 36. Sai sót Không được sửa chữa

- 36.1. Nếu Nhà thầu không sửa chữa Sai sót trong khoảng thời gian đã được Giám đốc điều hành công trình quy định trong thông báo, Giám đốc điều hành công trình sẽ định giá chi phí sửa chữa Sai sót và Nhà thầu sẽ phải thanh toán khoản tiền này.

## D. Quản lý chi phí

### 37. Bảng kê Khối lượng

- 37.1. Bảng kê khối lượng phải bao gồm các hạng mục về thi công, lắp đặt, thử nghiệm và đưa vào sử dụng do Nhà thầu thực hiện.
- 37.2. Bảng kê Khối lượng được sử dụng để tính toán Giá trị Hợp đồng. Nhà thầu chỉ được thanh toán khối lượng công việc đã thực hiện được Giám đốc điều hành công trình xác nhận theo đơn giá trong Bảng kê Khối lượng cho mỗi hạng mục.

### 38. Thay đổi Khối lượng

- 38.1. Nếu khối lượng cuối cùng của hạng mục có sự thay đổi cần thiết làm thay đổi giá trị hợp đồng ban đầu, thì Giám đốc điều hành công trình khi có sự phê chuẩn của Chủ đầu tư phải chứng nhận và điều chỉnh giá trị hợp đồng ban đầu.
- 38.2. Giám đốc điều hành công trình có quyền ra lệnh không thi công một hạng mục công việc nào đó đã trình bày trong Bảng kê Khối lượng khi xét thấy cần thiết. Nhà thầu sẽ không được thanh toán các hạng mục công việc không thi công đó.

38.3. Nếu Giám đốc điều hành công trình yêu cầu, Nhà thầu phải cung cấp cho Giám đốc điều hành công trình một bản phân tích giá chi tiết về bất kỳ đơn giá nào trong Bảng kê Khối lượng.

### 39. Các thay đổi

39.1. Tất cả các thay đổi phải được đính kèm trong Kế hoạch thi công đã cập nhật do Nhà thầu trình.

### 40. Thanh toán cho Các thay đổi

- 40.1. Nhà thầu phải cung cấp cho Giám đốc điều hành công trình một bản báo giá về việc thực hiện Thay đổi khi được Giám đốc điều hành công trình yêu cầu như vậy. Bản báo giá này phải được đưa ra trong vòng bảy ngày kể từ khi có yêu cầu hoặc trong vòng bất kỳ thời gian nào dài hơn do Giám đốc điều hành công trình quy định, và trước khi ban hành lệnh thay đổi. Giám đốc điều hành công trình phải xem xét và đánh giá bản báo giá.
- 40.2. Nếu công việc trong Thay đổi tương ứng với một hạng mục mô tả trong Bảng kê Khối lượng thì Bảng kê Khối lượng phải được sử dụng để tính giá trị của Thay đổi.
- 40.3. Nếu bản báo giá của Nhà thầu không hợp lý, Giám đốc điều hành công trình có thể ra mệnh lệnh Thay đổi và thay đổi Giá trị Hợp đồng, dựa trên quyết định của chính Giám đốc điều hành công trình về các ảnh hưởng của Thay đổi đối với chi phí của Nhà thầu.
- 40.4. Nếu Giám đốc điều hành công trình quyết định rằng sự khẩn cấp của việc thay đổi công việc sẽ cản trở việc đưa ra và xem xét bản báo giá và làm chậm trễ tiến độ công việc, thì không cần làm bản báo giá và Thay đổi phải được xử lý như là Sự kiện Bồi thường.
- 40.5. Nhà thầu sẽ không được quyền thanh toán bổ sung về các chi phí mà có thể tránh được bằng cách cảnh báo trước.

#### 40.6 Điều chỉnh giá

40.6.1. Giá hợp đồng sẽ chỉ được điều chỉnh theo sự thay đổi của đơn giá đầu vào khi được quy định trong SCC. Nếu được quy định, giá trị thanh toán cho mỗi đợt, trước khi trừ tạm ứng sẽ được điều chỉnh theo hệ số điều chỉnh cụ thể cho đợt thanh toán đó. Công thức điều chỉnh dưới đây sẽ được áp dụng:

$$P = A + B \cdot I_m / I_o$$

Trong đó:

$P_c$  là hệ số điều chỉnh.

A và B là các hệ số xác định trong SCC tương ứng với phần được điều chỉnh và không được điều chỉnh trong giá hợp đồng;

$I_m$  là chỉ số giá cả phổ biến ở thời điểm cuối tháng hóa đơn được lập và  $I_o$  là chỉ số giá cả phổ biến ở thời điểm 28 ngày trước khi mở thầu.

40.6.2 Nếu chỉ số giá cả thay đổi sau khi được dùng để tính toán, thì việc tính toán sẽ được điều chỉnh lại và giá trị này sẽ được điều chỉnh trong lần thanh toán tiếp theo. Giá trị chỉ số giá cả sẽ được tính đến tất cả các thay đổi do sự thay đổi giá cả.

#### **41. Dự trừ kinh phí theo tiến độ thi công**

- 41.1. Khi Kế hoạch thi công đ-ợc cập nhật, Nhà thầu phải trình cho Giám đốc điều hành công trình một bản dự trừ kinh phí đã cập nhật theo tiến độ thi công.

#### **42. Chứng nhận Thanh toán**

- 42.1. Nhà thầu phải trình cho Giám đốc điều hành công trình báo cáo hàng tháng về giá trị của khối l-ợng công việc đã đ-ợc thực hiện trừ đi các khoản đã đ-ợc xác nhận thanh toán từ tr-ớc.
- 42.2. Giám đốc điều hành công trình phải kiểm tra báo cáo hàng tháng của Nhà thầu trình theo Điều 42.1 và xác nhận tổng số tiền Nhà thầu sẽ đ-ợc trả.
- 42.3. Giám đốc điều hành công trình phải xác định giá trị công việc đã thực hiện.
- 42.4. Giá trị công việc đã thực hiện phải bao gồm giá trị khối l-ợng các hạng mục trong Bảng kê Khối l-ợng đã đ-ợc hoàn thành.
- 42.5. Giá trị công việc đã thực hiện phải bao gồm giá trị của các Thay đổi và các Sự kiện Bồi th-ờng.
- 42.6. Giám đốc điều hành công trình có thể loại trừ bất kỳ hạng mục nào đã đ-ợc chứng nhận trong lần chứng nhận tr-ớc đó hoặc giảm tỷ lệ của bất kỳ hạng mục nào đã chứng nhận tr-ớc đó trong bất kỳ chứng nhận nào căn cứ vào các thông tin mới nhất.

#### **43. Thanh toán**

- 43.1. Thanh toán phải đ-ợc điều chỉnh để khấu trừ khoản tạm ứng và tiền giữ lại. Chủ đầu t- phải thanh toán cho Nhà thầu tổng số tiền đ-ợc Giám đốc điều hành công trình chứng nhận trong vòng 28 ngày kể từ ngày có chứng nhận. Nếu Chủ đầu t- thanh toán chậm, Nhà thầu phải đ-ợc trả khoản lãi trên khoản thanh toán chậm trong lần thanh toán sau. Lãi suất phải đ-ợc tính từ ngày mà đúng ra phải thực hiện việc thanh toán cho đến ngày thanh toán khoản thanh toán chậm theo tỉ lệ lãi suất đang hiện hành đối với các khoản lãi vay do Ngân hàng Nhà n-ớc Việt Nam quy định.
- 43.2. Nếu tổng số tiền đã đ-ợc chứng nhận ít hơn tổng số tiền đáng lẽ ra phải đ-ợc chứng nhận và thanh toán hay do kết quả của một quyết định của Trọng tài, Nhà thầu phải đ-ợc trả lãi suất trên khoản chậm thanh toán quy định trong điều khoản này. Lãi suất phải đ-ợc tính toán kể từ ngày mà số tiền gia tăng lẽ ra đ-ợc chứng nhận nếu không có tranh chấp.
- 43.3. Trừ phi khi đ-ợc qui định khác đi, mọi thanh toán và khấu trừ sẽ đ-ợc thanh toán bằng Đồng Việt Nam.
- 43.4. Các hạng mục Công trình mà không ghi đơn giá hay giá cả vào sẽ không đ-ợc Chủ đầu t- thanh toán và sẽ đ-ợc xem nh- đã bao gồm trong các đơn giá và giá cả khác trong Hợp đồng.

#### **44. Sự kiện Bồi th-ờng**

- 44.1. Các sự kiện sau sẽ đ-ợc xem là Sự kiện Bồi th-ờng:

- (a) Chủ đầu t- không giao một phần của mặt bằng Công tr-ờng vào Ngày sử dụng Công tr-ờng qui định trong Dữ liệu Hợp đồng.

- (b) Chủ đầu tư tự sửa đổi Lịch biểu Các Nhà thầu khác, làm ảnh hưởng đến công việc của Nhà thầu trong Hợp đồng.
  - (c) Giám đốc điều hành công trình ra lệnh trì hoãn công việc hoặc không cấp Bản vẽ, Tiêu chuẩn Kỹ thuật hoặc các chỉ thị cần thiết cho việc thực hiện Công trình đúng thời hạn.
  - (d) Giám đốc điều hành công trình chỉ thị Nhà thầu tiến hành các thí nghiệm bổ sung mà sau đó không tìm thấy Sai sót.
  - (e) Giám đốc điều hành công trình không phê chuẩn hợp đồng giao thầu phụ mà không có lý do chính đáng.
  - (f) Các điều kiện về thực địa thực tế khác biệt và xấu hơn nhiều so với dự kiến trước khi ra Thông báo Chấp thuận từ các thông tin cung cấp cho người dự thầu (kể cả Báo cáo Khảo sát Công trình), các thông tin có sẵn khác và từ việc khảo sát hiện trường sơ bộ (quan sát bằng mắt).
  - (g) Giám đốc điều hành công trình chỉ thị giải quyết các tình huống đột xuất, do Chủ đầu tư gây ra, hoặc công việc làm thêm được yêu cầu vì việc an toàn hay vì các lý do khác.
  - (h) Các nhà thầu khác, nhà chức trách và các dịch vụ và công trình công cộng hoặc Chủ đầu tư không làm việc trong khuôn khổ thời gian và các ràng buộc khác qui định trong Hợp đồng, và những điều này gây chậm trễ hoặc tăng chi phí của Nhà thầu.
  - (i) Tạm ứng chậm
  - (j) ảnh hưởng của bất kỳ rủi ro nào của Chủ đầu tư đến Nhà thầu.
  - (k) Giám đốc điều hành công trình chậm trễ không có lý do trong việc cấp Chứng nhận Hoàn thành.
  - (l) Các Sự kiện Bồi thường khác được mô tả trong Hợp đồng hoặc được Giám đốc điều hành công trình xác định là phải áp dụng.
- 44.2. Nếu Sự kiện Bồi thường làm tăng chi phí hay cản trở công việc hoàn thành trước Ngày hoàn thành dự kiến, Giá trị Hợp đồng phải được gia tăng và/hoặc Ngày Hoàn thành Dự kiến phải được gia hạn. Giám đốc điều hành công trình phải quyết định xem có thay đổi hay không và thay đổi bao nhiêu Giá trị Hợp đồng cũng như có gia hạn hay không và gia hạn bao lâu Ngày Hoàn thành Dự kiến.
- 44.3. Ngay khi có thông báo trình bày ảnh hưởng của từng Sự kiện Bồi thường đối với chi phí dự toán của Nhà thầu do nhà thầu cung cấp, nó phải được Giám đốc điều hành công trình định giá, và Giá trị Hợp đồng phải được điều chỉnh phù hợp. Nếu dự toán của Nhà thầu tỏ ra không hợp lý, Giám đốc điều hành công trình phải điều chỉnh Giá trị Hợp đồng dựa trên dự toán của chính Giám đốc điều hành công trình. Nhà thầu phải chấp hành đầy đủ và nhanh chóng.
- 44.4. Nhà thầu sẽ có thể không được bồi thường khi các quyền lợi của Chủ đầu tư bị ảnh hưởng nặng nề do việc Nhà thầu không cảnh báo trước sớm hoặc không hợp tác với Giám đốc điều hành công trình.

## 45. Thuế

- 45.1. Giám đốc điều hành công trình phải điều chỉnh Giá trị Hợp đồng nếu các loại thuế bị thay đổi trong khoảng thời gian bắt đầu từ 28 ngày tr- ớc ngày nộp hồ sơ dự thầu (ngày mở thầu) đến ngày cấp Chứng nhận Hoàn thành sau cùng. Việc điều chỉnh là thay đổi trong tổng số tiền thuế mà Nhà thầu phải trả, nếu các thay đổi nh- thể ch- a đ- ợc phản ánh trong Giá trị Hợp đồng.

#### **46. Tiền giữ lại**

- 46.1. Chủ đầu t- phải giữ lại trong mỗi lần thanh toán cho Nhà thầu một phần nh- qui định trong Dữ liệu Hợp đồng hoặc cho đến khi Hoàn thành toàn bộ Công trình.
- 46.2. Khi Hoàn thành toàn bộ Công trình, một nửa tổng số tiền giữ lại phải đ- ợc hoàn trả cho Nhà thầu và một nửa sẽ đ- ợc hoàn trả khi kết thúc Thời hạn chịu trách nhiệm pháp lý về sai sót (thời hạn Bảo hành) và Giám đốc điều hành công trình đã xác nhận rằng mọi Sai sót đ- ợc Giám đốc điều hành công trình thông báo cho Nhà thầu tr- ớc khi kết thúc thời hạn này đã đ- ợc chỉnh sửa.
- 46.3. Khi hoàn thành toàn bộ Công trình, Nhà thầu có thể thay thế tiền giữ lại bằng một Bảo lãnh của Ngân hàng trong thời gian bảo hành.

#### **47. Bồi th- ờng Thiệt hại**

- 47.1. Nhà thầu phải trả bồi th- ờng thiệt hại cho Chủ đầu t- theo mức qui định trong Dữ liệu Hợp đồng cho mỗi ngày chậm hơn Ngày hoàn thành Dự kiến. Tổng số tiền bồi th- ờng thiệt hại phải không v- ợt quá tổng số tiền qui định trong Dữ liệu Hợp đồng. Chủ đầu t- có thể khấu trừ khoản bồi th- ờng thiệt hại từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu. Việc thanh toán bồi th- ờng thiệt hại sẽ không làm thay đổi trách nhiệm pháp lý của Nhà thầu.
- 47.2. Nếu Ngày Hoàn thành Dự kiến đ- ợc gia hạn sau khi đã thanh toán bồi th- ờng thiệt hại, Giám đốc điều hành công trình phải chỉnh sửa bất kỳ khoản thanh toán v- ợt quá nào về bồi th- ờng thiệt hại của Nhà thầu bằng cách điều chỉnh chứng nhận thanh toán kế tiếp. Nhà thầu phải đ- ợc trả lãi suất trên khoản thanh toán v- ợt quá, tính từ ngày thanh toán cho đến ngày hoàn trả, theo lãi suất quy định trong Điều khoản 43.1.

#### **48. Tạm ứng**

- 48.1. Chủ đầu t- phải tạm ứng cho Nhà thầu khoản tiền qui định trong Dữ liệu Hợp đồng vào ngày qui định trong Dữ liệu Hợp đồng, sau khi Nhà thầu cung cấp một Bảo lãnh Ngân hàng không điều kiện theo mẫu và tại một Ngân hàng đ- ợc Chủ đầu t- chấp nhận, có tổng số và loại tiền t- ơng đ- ơng với tiền tạm ứng. Bảo lãnh sẽ còn hiệu lực cho đến khi tiền tạm ứng đã hoàn trả đủ, nh- ng tổng số tiền của Bảo lãnh phải đ- ợc giảm dần theo số tiền mà Nhà thầu đã hoàn trả. Không tính lãi suất đối với tiền tạm ứng.
- 48.2. Nhà thầu chỉ đ- ợc sử dụng tiền tạm ứng cho việc mua Thiết bị, Máy móc, Vật liệu và các chi phí huy động đặc biệt cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tạm ứng đã đ- ợc sử dụng đúng mục đích bằng cách trình các bản hoá đơn hay các chứng từ khác cho Giám đốc điều hành công trình.
- 48.3. Tiền tạm ứng phải đ- ợc hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỉ lệ trong các khoản thanh toán khác đến hạn cho Nhà thầu, tuân theo tiến độ phần trăm hoàn thành Công trình trên cơ sở thanh toán. Các khoản tạm ứng hay hoàn trả sẽ không đ- ợc tính đến trong việc đánh giá công việc đã làm, các Thay đổi, Sự kiện Bồi th- ờng, hoặc Bồi th- ờng thiệt hại.

#### **49. Bảo lãnh**

- 49.1. Bảo lãnh bảo đảm thực hiện hợp đồng phải đ-ợc gửi cho Chủ đầu t- không chậm hơn ngày quy định trong Th- Chấp nhận và phải đ-ợc ấn hành theo tổng số và mẫu tại một Ngân hàng đ-ợc Chủ đầu t- chấp nhận. Bảo lãnh bảo đảm thực hiện đồng phải có giá trị đến 28 ngày sau ngày cấp Chứng nhận Hoàn thành.

## **50. Ngày công**

- 50.1. Giá Ngày công trong Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu đ-ợc sử dụng cho tổng số công việc bổ sung, chỉ khi Giám đốc điều hành công trình có chỉ thị tr-ớc bằng văn bản cho các công việc bổ sung đ-ợc thanh toán bằng cách đó.
- 50.2. Mọi công việc đ-ợc thanh toán theo Ngày công phải đ-ợc Nhà thầu ghi lại theo các biểu mẫu đ-ợc Giám đốc điều hành công trình phê chuẩn. Mỗi biểu mẫu đã hoàn thành phải đ-ợc Giám đốc điều hành công trình kiểm tra và ký trong vòng hai ngày sau khi công việc đ-ợc thực hiện.
- 50.3. Nhà thầu phải đ-ợc thanh toán cho Ngày công khi có các mẫu Ngày công đ-ợc ký.

## **51. Chi phí Sửa chữa**

- 51.1. Tổn thất hoặc h- hỏng của Công trình hoặc Vật liệu đ-ợc đ- a vào Công trình trong khoảng thời gian từ Ngày khởi công đến khi kết thúc Thời hạn Sửa chữa Sai sót (thời gian bảo hành) phải đ-ợc Nhà thầu sửa chữa bằng chính chi phí của Nhà thầu nếu các tổn thất hay h- hỏng nảy sinh do các hành động hay sơ suất của Nhà thầu.

# **E. Kết thúc hợp đồng**

## **52. Hoàn thành**

- 52.1. Nhà thầu phải yêu cầu Giám đốc điều hành công trình cấp chứng nhận Hoàn thành Công trình, và Giám đốc điều hành công trình sẽ cấp khi xác định là công trình đã hoàn thành.

## **53. Tiếp nhận**

- 53.1. Chủ đầu t- phải tiếp nhận Công tr-ờng và Công trình trong vòng số ngày đ-ợc qui định trong Dữ liệu Hợp đồng kể từ khi Giám đốc điều hành công trình cấp chứng nhận hoàn thành.

## **54. Quyết toán**

- 54.1. Nhà thầu phải cung cấp cho Giám đốc điều hành công trình bản kê khai chi tiết về tổng số tiền mà Nhà thầu cho là phải thanh toán theo Hợp đồng tr-ớc khi kết thúc Thời gian chịu trách nhiệm pháp lý về sai sót. Giám đốc điều hành công trình phải cấp Chứng nhận hết trách nhiệm pháp lý về Sai sót và chứng nhận việc thanh toán kết thúc cho Nhà thầu trong vòng một số ngày đ-ợc xác định trong Dữ liệu Hợp đồng kể từ ngày nhận bản kê khai của Nhà thầu nếu đó là bản kê khai đúng và hoàn chỉnh. Nếu không đúng, Giám đốc điều hành công trình trong vòng một số ngày đ-ợc xác định trong Dữ liệu Hợp đồng phải đ- a ra một danh mục qui định phạm vi các việc sửa chữa hay bổ sung cần thiết. Nếu Bản kê khai cuối cùng vẫn ch- a đầy đủ sau khi đã đ-ợc trình lại, Giám đốc điều hành công trình phải quyết định tổng số tiền phải thanh toán cho Nhà thầu và ấn hành chứng nhận thanh toán.

## **55. H- ớng dẫn Vận hành và Bảo d- ỡng**

- 55.1. Nếu có yêu cầu về Bản vẽ hoàn công và/hoặc H- ớng dẫn vận hành và bảo d- ỡng, Nhà thầu phải cung cấp chúng vào ngày qui định trong Dữ liệu Hợp đồng.
- 55.2. Nếu Nhà thầu không cung cấp Bản vẽ hoàn công và/hoặc H- ớng dẫn vào ngày qui định trong Hồ sơ Hợp đồng, hoặc chúng không đ- ợc Giám đốc điều hành công trình phê chuẩn, thì Giám đốc điều hành công trình phải giữ lại số tiền qui định trong Dữ liệu Hợp đồng từ các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu.

## **56. Huỷ bỏ Hợp đồng**

- 56.1 Chủ đầu t- hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt Hợp đồng nếu bên kia có vi phạm cơ bản về Hợp đồng.
- 56.2. Các vi phạm cơ bản về Hợp đồng bao gồm, nh- ng không chỉ hạn chế trong các điểm sau :
- (a) Nhà thầu ngừng thi công 28 ngày trong khi việc ngừng này không có trong Kế hoạch thi công hiện tại và ch- a đ- ợc Giám đốc điều hành công trình cho phép.
  - (b) Giám đốc điều hành công trình chỉ thị Nhà thầu làm chậm lại tiến độ Công trình, và chỉ thị này không đ- ợc rút lại trong vòng 28 ngày.
  - (c) Chủ đầu t- hoặc Nhà thầu bị phá sản hay vỡ nợ.
  - (d) Một chứng nhận thanh toán đã đ- ợc Giám đốc điều hành công trình phê chuẩn không đ- ợc Chủ đầu t- thanh toán trong vòng 56 ngày kể từ ngày có chứng nhận của Giám đốc điều hành công trình.
  - (e) Giám đốc điều hành công trình ra thông báo rằng việc không sửa chữa một Sai sót cụ thể là vi phạm cơ bản Hợp đồng và Nhà thầu không chỉnh sửa nó trong khoảng thời gian thích hợp đ- ợc Giám đốc điều hành công trình xác định.
  - (f) Nhà thầu không còn duy trì Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định.
  - (g) Nhà thầu đã làm chậm trễ việc hoàn thành Công trình với tổng số ngày mà tổng giá trị bồi th- ờng thiệt hại tối đa có thể thanh toán, nh- đã xác định trong Dữ liệu Hợp đồng.
- 56.3. Khi một bên của Hợp đồng thông báo về một vi phạm Hợp đồng cho Giám đốc điều hành công trình do một lý do ngoài các lý do liệt kê trong Điều 56.2. kể trên, Giám đốc điều hành công trình phải quyết định vi phạm đó là cơ bản hay không.
- 56.4. Mặc dù có các điều kể trên, Chủ đầu t- vẫn có thể chấm dứt Hợp đồng vì lý do để thuận tiện cho mình.
- 56.5. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt, Nhà thầu phải ngừng công việc ngay lập tức, giữ Công tr- ờng an toàn và rời Công tr- ờng càng sớm càng tốt.

## **57. Thanh toán trong tr- ờng hợp huỷ bỏ Hợp đồng.**

- 57.1. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt do một vi phạm cơ bản về Hợp đồng từ phía Nhà thầu, Giám đốc điều hành công trình phải cấp một chứng nhận về giá trị các công việc đã thực hiện, Vật liệu đã đặt hàng trừ đi khoản tiền tạm ứng đã nhận cho đến ngày cấp giấy chứng nhận và trừ đi số phần trăm áp dụng cho giá trị công việc ch- a hoàn thành, qui định trong Dữ liệu Hợp đồng. Sẽ không áp dụng Bồi th- ờng Thiệt hại Bổ sung. Nếu tổng số tiền thuộc về

Chủ đầu tư - vượt quá khoản thanh toán thuộc về Nhà thầu, thì khoản chênh lệch này phải được tính là nợ phải trả cho Chủ đầu tư.

- 57.2. Nếu Hợp đồng bị chấm dứt vì sự thuận tiện của Chủ đầu tư hay do một vi phạm cơ bản về Hợp đồng từ phía Chủ đầu tư, Giám đốc điều hành công trình phải cấp một chứng nhận về giá trị công việc đã thực hiện, vật liệu đã đặt hàng, chi phí hợp lý cho việc di chuyển thiết bị, hồi h-ong nhân sự mà Nhà thầu thuê cho Công trình, và chi phí của Nhà thầu về việc bảo vệ và bảo đảm Công trình, và trừ đi khoản tiền tạm ứng đã nhận đến ngày cấp giấy chứng nhận.

## **58. Tài sản**

- 58.1. Mọi Vật liệu tại công tr-ờng, Máy móc, Thiết bị, Công trình tạm và Công trình sẽ đ-ợc xem là tài sản của Chủ đầu tư nếu Hợp đồng bị chấm dứt do lỗi của Nhà thầu.

## **59. Tr-ờng hợp bất khả kháng**

- 59.1. Nếu Hợp đồng bị vô hiệu lực do việc bùng nổ chiến tranh hay do một sự kiện nào khác ngoài khả năng kiểm soát của cả Chủ đầu tư lẫn Nhà thầu, Giám đốc điều hành công trình phải chứng nhận rằng Hợp đồng bị vô hiệu lực. Nhà thầu phải giữ Công tr-ờng an toàn và ngừng công việc càng nhanh càng tốt sau khi nhận đ-ợc chứng nhận này và phải đ-ợc thanh toán cho tất cả các công việc đã thực hiện tr-ớc khi nhận chứng nhận này và bất kỳ công việc nào sau đó đã có cam kết.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

## F. Dữ liệu hợp đồng

|               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.1.          | <p>Chủ đầu t- là : _____</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Giám đốc điều hành công trình: _____</li> <li>• Tên và số hiệu của Hợp đồng: _____</li> <li>• Công trình bao gồm việc thi công các hạng mục công trình đ- ọc xác định trong Phần 7 - Bảng kê Khối l- ợng.</li> <li>• Ngày khởi công chậm nhất là: _____ ngày sau khi ký Hợp đồng.</li> </ul> <p>Địa điểm Công tr- ờng: _____</p> |
| 3.1.          | <p>Ngôn ngữ của Hồ sơ Hợp đồng là tiếng Việt.</p> <p>Luật mà Hợp đồng áp dụng là Luật của Việt Nam.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 7.1.          | Khối l- ợng thầu phụ không v- ợt quá: _____ % giá trị Hợp đồng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 13.1.         | Bảo hiểm: <i>Theo quy định chung tại Nghị định 52CP của Chính phủ về Điều lệ quản lý đầu t- và xây dựng, và Quyết định số 663TC/QĐ-TCNH ngày 24/6/1995 của Bộ Tài chính ban hành quy tắc bảo hiểm xây dựng.</i>                                                                                                                                                                                        |
| 17.1 và 28.1. | Ngày Hoàn thành Dự kiến cho toàn bộ Công trình là: _____                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

|       |                                                                                                                                                                                               |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21.1. | Ngày giao Công tr- ờng (mặt bằng thi công) là: <i>14 ngày sau khi ký hợp đồng</i>                                                                                                             |
| 25.2. | Chi phí và hình thức thanh toán cho Trọng tài: _____                                                                                                                                          |
| 25.3. | Cơ quan xử lý tranh chấp theo thủ tục trọng tài: <i>Toà Kinh tế thuộc Toà án Nhân dân tỉnh _____.</i>                                                                                         |
| 26.1. | Cơ quan chỉ định Trọng tài: <i>Toà án Nhân dân Tỉnh _____.</i>                                                                                                                                |
| 27.1. | Nhà thầu phải trình Kế hoạch thi công Công trình: <i>trong vòng 14 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.</i>                                                                                           |
| 27.3  | <p>Thời gian cập nhật Kế hoạch thi công: <i>30 ngày.</i></p> <p>Tổng số tiền giữ lại do việc chậm nộp Kế hoạch thi công đã cập nhật: <i>10% (m- ời phần trăm) đợt thanh toán kế tiếp.</i></p> |

|        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|--------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 35.1   | Thời gian Chịu trách nhiệm pháp lý về Sai sót (Thời hạn bảo hành công trình xây dựng) là: [12 - 24 tháng].                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 40.6.1 | Hợp đồng được điều chỉnh giá theo điều 40.6. Các thông số liên quan sau sẽ được áp dụng:<br>(i) 15 % không được điều chỉnh ( Hệ số A)<br>(ii) 85 % được điều chỉnh ( Hệ số B)<br>Các chỉ số $I_o$ và $I_m$ được lấy từ chỉ số giá cả thị trường Tổng Cục Thống kê công bố định kỳ và công khai.                                                                                                                         |
| 46.1   | Tỉ lệ thanh toán bị giữ lại là: năm phần trăm (5%)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 47.1.  | Bồi th- ờng thiệt hại cho toàn bộ Công trình: 0,1% (không phẩy một phần trăm) Giá trị Hợp đồng cuối cùng cho mỗi ngày.<br><br>Tổng giá trị bồi th- ờng thiệt hại tối đa cho toàn bộ Công trình: không v- ợt quá m- ời phần trăm Giá trị Hợp đồng cuối cùng (10%)                                                                                                                                                        |
| 48.1   | Tiền tạm ứng là: m- ời phần trăm (10%) Giá trị Hợp đồng; đ- ợc trả cho Nhà thầu không chậm hơn 30 ngày sau ngày ký Hợp đồng.                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 49.1   | Bảo lãnh Ngân hàng để thực hiện Hợp đồng là :<br><ul style="list-style-type: none"> <li>♦ Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng : m- ời phần trăm giá trị Hợp đồng (10%)</li> <li>♦ Bảo lãnh Ngân hàng phải đ- ợc chủ đầu t- chấp thuận và là Bảo lãnh Ngân hàng không điều kiện.</li> </ul>                                                                                                                                      |
| 53.1   | Sau khi ban hành chứng nhận hoàn thành, Chủ đầu t- sẽ tiếp nhận Công tr- ờng và Công trình: trong vòng 28 ngày.                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 54.1   | Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận bản kê khai đầy đủ và đúng đắn từ Nhà thầu, Giám đốc điều hành công trình phải ban hành Chứng nhận hết trách nhiệm pháp lý về sai sót và chứng nhận mọi khoản thanh toán cuối cùng đến hạn của Nhà thầu.<br><br>Nếu bản kê khai do Nhà thầu trình không đầy đủ hoặc không đúng đắn thì Giám đốc điều hành công trình sẽ ban hành lịch trình chỉnh sửa hay bổ sung trong vòng 28 ngày. |

|      |                                                                                                                                          |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 55.1 | Ngày nộp h- ớng dẫn vận hành và bảo d- ỡng: 28 ngày sau ngày hoàn thành<br>Ngày yêu cầu bản vẽ hoàn công: 30 ngày sau ngày hoàn thành.   |
| 55.2 | Tổng số tiền giữ lại vì không nộp bản vẽ hoàn công đúng hạn:<br>0.1% (không phẩy một phần trăm) Giá trị Hợp đồng cuối cùng cho mỗi ngày. |
| 57.1 | Tỷ lệ phần trăm áp dụng cho giá trị công việc ch- a hoàn thành: 10% (m- ời phần trăm) giá trị công việc ch- a hoàn thành.                |

Các tài liệu sau đây cũng đ- ợc xem là một phần của Hợp đồng :

- ♦ *Lịch biểu Các Nhà thầu khác*
- ♦ *Bảng danh sách Nhân sự Chủ chốt*
- ♦ *Báo cáo Khảo sát Công tr-ờng*
- ♦ *Kế hoạch Hành động Môi tr-ờng*

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

## **Phần 4. Giới thiệu công trình**

### **I. Vị trí công trình**

### **II. Đặc điểm công trình**

### **III. Thông số kỹ thuật**

### **IV. Khối lượng công trình**

### **V. Nguồn vật liệu**

### **VI. Nội dung công việc**

#### **a. Các công việc cần phải tiến hành**

#### **b. Giải pháp thiết kế**

#### **c. Biện pháp thi công**

#### **d. Quy trình - Quy phạm kỹ thuật thi công và giám sát**

#### **e. Tiến độ thi công**

- Khởi công
- Hoàn thành

### **VII. Dự trù thiết bị nhân lực**

#### **a. Yêu cầu thiết bị xe máy**

#### **b. Yêu cầu nhân công**

### **VIII. Điều kiện kỹ thuật**

#### **1. Tiêu chuẩn quy phạm kỹ thuật**

#### **2. Về thiết kế và thi công**

##### **a. Về thiết kế**

##### **b. Về thi công**

##### **c. Về giám sát**

##### **d. Về lượng thi công**

## Phần 5 - Danh mục bản vẽ

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

## Phần 6. Bảng kê khối l- ợng

[illegible]

\* Do nhà thầu điện

## Phần 7. Mẫu bảo đảm

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

## A - Bảo đảm dự thầu

Kính gửi:

Căn cứ vào yêu cầu của \_\_\_\_\_  
(sau đây đ- ọc gọi là "Nhà thầu") đã nộp Hồ sơ dự thầu ngày \_\_\_\_\_ để thi công công  
trình \_\_\_\_\_ (sau đây đ- ọc gọi là "Hồ sơ dự thầu").

Ngân hàng \_\_\_\_\_  
có trụ sở tại \_\_\_\_\_ (sau đây  
đ- ọc gọi là "Ngân hàng") cam kết sẽ chi trả cho \_\_\_\_\_

sau đây đ- ọc gọi là "Chủ đầu t- " một khoản tiền bảo lãnh dự thầu là:

### Các điều kiện thanh toán nh- sau :

1. Nếu sau khi đóng thầu, Nhà thầu rút lại Hồ sơ dự thầu trong thời gian hiệu lực nêu trong Đơn xin dự thầu.
2. Nếu Nhà thầu khi đã đ- ọc Chủ đầu t- thông báo chấp nhận Hồ sơ dự thầu trong thời gian hiệu lực:
  - a. Không ký Hợp đồng theo đúng Phần Chỉ dẫn cho Nhà thầu khi đ- ọc Chủ đầu t- yêu cầu, hoặc
  - b. Không cung cấp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo đúng Phần Chỉ dẫn cho Nhà thầu

Chúng tôi cam kết thanh toán cho Chủ đầu t- tổng số tiền nói trên căn cứ vào văn bản yêu cầu đầu tiên của Chủ đầu t- mà không cần Chủ đầu t- chứng minh yêu cầu của mình, miễn là trong yêu cầu đó Chủ đầu t- thông báo rằng tổng số tiền yêu cầu thanh toán là do xảy ra một hay bất kỳ điều kiện nào trong các điều kiện trên và ghi rõ điều kiện hay các điều kiện đã xảy ra.

Bảo lãnh này sẽ có hiệu lực từ thời điểm mở thầu đến hết 30 ngày sau ngày hết hiệu lực của Hồ sơ dự thầu đ- ọc trình bày trong Phần Chỉ dẫn cho Nhà thầu hoặc là ngày đ- ọc Chủ đầu t- gia hạn. Bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến Bảo lãnh này phải đ- ọc gửi đến Ngân hàng không muộn hơn thời hạn nêu trên.

\_\_\_\_\_  
(Ngày)

\_\_\_\_\_  
(Chữ ký của Ngân hàng)

\_\_\_\_\_  
(Dấu của Ngân hàng)

## B - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Kính gửi:

- Căn cứ vào yêu cầu của \_\_\_\_\_  
(sau đây đ- ọc gọi là "Nhà thầu") đã cam kết, theo Hợp đồng số \_\_\_\_\_  
ngày \_\_\_\_\_ thực hiện việc thi công công trình \_\_\_\_\_  
(sau đây đ- ọc gọi là "Hợp đồng");

- Căn cứ vào qui định trong hợp đồng nói trên là Nhà thầu phải cung cấp một Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do một Ngân hàng đ- ọc Chủ đầu t- chấp nhận cấp, với số tiền qui định trong Hợp đồng để bảo đảm việc tuân thủ các nghĩa vụ của Nhà thầu theo đúng Hợp đồng;

Chúng tôi đồng ý Bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng trên và thay mặt Nhà thầu chịu trách nhiệm với quý Ông/Bà bằng một khoản tiền là \_\_\_\_\_ Đồng Việt Nam.

Chúng tôi cam kết thanh toán cho quý Ông/Bà căn cứ vào yêu cầu bằng văn bản đầu tiên của quý Ông/Bà bất kỳ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ Đồng Việt Nam nh- đã nói trên mà không cần quý Ông/Bà phải chứng minh hay chỉ rõ các căn cứ hay lý do về yêu cầu của quý Ông/Bà đối với khoản tiền đó, cũng nh- không cần phải có sự đồng ý của Nhà thầu tr- ớc khi yêu cầu chúng tôi thanh toán.

Chúng tôi đồng ý rằng việc thay đổi, thêm bớt hay bổ sung về các điều khoản của Hợp đồng hay của Công trình đ- ọc thực hiện trong hợp đồng hay về bất kỳ hồ sơ nào của Hợp đồng giữa quý Ông/Bà và Nhà thầu sẽ không làm thay đổi theo bất kỳ cách nào về bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào trong Bảo lãnh này. Vì vậy chúng tôi không yêu cầu nhận đ- ọc thông báo về các thay đổi, thêm bớt hay bổ sung đó.

Bảo lãnh này có giá trị pháp lý đến 30 ngày sau ngày ấn hành Chúng nhận Hoàn thành Công trình.

\_\_\_\_\_  
(Chữ ký và dấu của Ngân hàng bảo lãnh)

\_\_\_\_\_  
(Tên của Ngân hàng)

\_\_\_\_\_  
(Địa chỉ)

\_\_\_\_\_  
(Ngày)

## C - Bảo lãnh ngân hàng về hoàn trả tạm ứng

Kính gửi:

Căn cứ vào hợp đồng số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_, và Điều 48 ("Tạm ứng") của Hợp đồng nói trên.

Căn cứ theo yêu cầu của \_\_\_\_\_  
(sau đây đ- ọc gọi là "Nhà thầu") và để bảo đảm cho việc thực hiện đúng đắn và trung thực Hợp đồng.

Chúng tôi, Ngân hàng \_\_\_\_\_  
đồng ý bảo đảm thanh toán vô điều kiện cho Quý Ông/Bà khi có yêu cầu đầu tiên của quý ông/bà mà không giữ bất kỳ quyền phản đối gì về phía chúng tôi và cũng không cần Quý Ông/Bà phải thông qua Nhà thầu với tổng số tiền không v- ợt quá \_\_\_\_\_ Đồng Việt Nam.

Chúng tôi đồng ý rằng việc thay đổi, thêm bớt hay bổ sung về các điều khoản của Hợp đồng hay của Công trình đ- ọc thực hiện trong hợp đồng hay về bất kỳ hồ sơ nào của Hợp đồng giữa quý Ông/Bà và Nhà thầu sẽ không làm thay đổi theo bất kỳ cách nào về bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào trong Bảo lãnh này. Do vậy chúng tôi không yêu cầu nhận đ- ọc thông báo về các thay đổi, thêm bớt hay bổ sung đó.

Bảo lãnh này có giá trị kể từ ngày Quý ông/bà tạm ứng cho nhà thầu cho đến khi Quý ông/bà nhận đủ khoản hoàn trả tạm ứng với cùng giá trị từ phía Nhà thầu.

\_\_\_\_\_  
(Chữ ký và Dấu)

\_\_\_\_\_  
(Tên của Ngân hàng)

\_\_\_\_\_  
(Địa chỉ)

\_\_\_\_\_  
(Ngày)